***Phụ lục 1***

**PHÒNG GD & ĐT DIỄN CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG MN DIỄN THÁI Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

*Diễn Thái, ngày 22 tháng 08 năm 2024*

**1. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**TRẺ 24 – 36 THÁNG: NĂM HỌC 2024 - 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Số tuần** | **Thời gian** |
| **1** | **Trường mầm non của - Bé vui tết trung thu** | - Bé vui đến trư­­ờng | 1 | 09/09 - 13/09 |
| - Bé vui tết trung thu | 1 | 16/09 - 20/09 |
| - Lớp học yêu thương | 1 | 23/09 - 27/09 |
| - Bé thích đồ dùng đồ chơi | 1 | 30/09 - 04/10 |
| **2** | **Gia đình thân yêu của bé-** | - Gia đình yêu thương của bé | 1 | 07/10 - 11/10 |
| - Đồ dùng GĐ của bé (ăn – uống) | 2 | 14/10 - 25/10 |
| - Đồ dùng sinh hoạt GĐ của bé | 2 | 28/10 - 08/11 |
| **3** | **Những con vật đáng yêu- Ngày hội cô giáo- Bé yêu chú bộ đội** | - Bé yêu thích Con vật nuôi trong GĐ (gia cầm) | 1 | 11/11 – 15/11 |
| - Ngày hội của cô giáo 20/11 | 1 | 18/11 - 22/11 |
| - Bé yêu thích Con vật nuôi trong GĐ (gia súc) | 1 | 25/11 – 29/11 |
| - Bé thích con vật sống trong rừng | 2 | 02/12 - 13/12 |
| - Bé yêu chú bộ đội | 1 | 16/12 – 20/12 |
| - Bé thích con vật sống dưới nước | 1 | 23/12 – 27/12 |
| **4** | **Rau quả và những bông hoa đẹp-Ngày tết của bé** | - Những bông hoa đẹp | 1 | 30/12 – 03/01 |
| - Bé yêu thích cây xanh | 1 | 06/01 – 10/01 |
| - Bé yêu thích các loại quả (cam, chuối, xoài, na..) | 1 | 13/01 – 17/01 |
| - Ngày tết yêu thương | 1 | 20/01 – 24/01 |
| - Bé yêu thích các loại quả (quả táo, quả khế, quả ổi, quả bưởi…) | 1 | 03/02 - 07/02 |
| - Các loại rau ăn lá- ăn củ | 2 | 10/02 - 21/02 |
| **5** | **Ngày vui 8/3**  **Phương tiện giao thông-** | - PTGT đường bộ | 1 | 24/02 - 28/02 |
| - Ngày vui 8/3 | 1 | 03/03 – 07/03 |
| - PTGT đường bộ - đường sắt | 1 | 10/03 – 14/03 |
| -PTGT đường thủy | 1 | 17/03 – 21/03 |
| - PTGT đường hàng không | 1 | 24/03 – 28/03 |
| - Tín hiệu đèn giao thông | 1 | 31/03 – 04/04 |
| **6** | **Mùa hè với bé** | - Mùa hè đến | 1 | 07/04 – 11/04 |
| - Đồ dùng trang phục mùa hè | 1 | 14/04 – 18/04 |
| -Các hoạt động mùa hè của bé | 1 | 21/04– 25/04 |
| **7** | **Bé lên mẫu giáo** | - Lớp mẫu giáo của bé | 1 | 28/04 – 02/05 |
| - Các hoạt động trong lớp | 1 | 05/05 – 09/05 |
| - Bác Hồ kính yêu | 1 | 12/05 – 16/05 |
|  | **Tổng cộng** | | **35** |  |

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**TRẺ 3-4 TUỔI – NĂM HỌC 2024 – 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Số tuần** | **Thời gian** |
| **1** | **Trường mầm non của bé- Bé vui tết trung thu** | - Bé vui đến trường | 1 | 09/09 - 13/09 |
| - Bé vui têt trung thu | 1 | 16/09 - 20/09 |
| - Lớp học của bé | 1 | 23/09 - 27/09 |
| **2** | **Bản thân** | - Bé tự giới thiệu về mình | 1 | 30/09 - 04/10 |
| - Cơ thể của tôi | 1 | 07/10 - 11/10 |
| -Tôi cần gì lớn lên và khoẻ mạnh | 1 | 14/10 - 18/10 |
| **3** | **Gia đình của bé** | - Gia đình thân yêu của bé | 1 | 21/10 - 25/10 |
| - Em yêu nhà em | 1 | 28/10 - 01/11 |
| - Đồ dùng bé thích | 1 | 04/11 - 08/11 |
| **4** | **- Ngày hội cô giáo 20/11**  **- Một số ngành nghề** | - Cháu yêu cô chú công nhân | 1 | 11/11 - 15/11 |
| - Ngày hội cô giáo 20/11 | 1 | 18/11 - 22/11 |
| - Bé thích nghề sản xuất | 1 | 25/11 - 29/11 |
| - Bé thích nghề tài xế | 1 | 02/12 - 06/12 |
| - Bé thích bác sỹ | 1 | 09/12 - 13/12 |
| - Cháu yêu chú bộ đội | 1 | 16/12 - 20/12 |
| **5** | **- Những con vật đáng yêu** | - Con vật trong gia đình | 1 | 23/12 - 27/12 |
| - Con vật sống dưới n­­ước | 1 | 30/01- 03/01 |
| - Con vật sống trên rừng | 1 | 06/01- 10/01 |
| - Chim – côn trùng | 1 | 13/01 - 17/01 |
| **6** | **-Thế giới thực vật**  **Bé vui đón tết**  **Ngày vui 8/3** | - Bé vui đón Tết - Mùa xuân | 1 | 20/01 - 24/01 |
| - Những bông loại hoa đẹp | 1 | 03/02 - 07/02 |
| - Một số loại rau – củ | 1 | 10/02 - 14/02 |
| - Bé yêu cây xanh | 1 | 17/02 - 21/02 |
| - Một số loại quả bé thích | 1 | 24/02 - 28/02 |
| - Ngày vui 8/3 | 1 | 03/03 – 07/03 |
| **7** | **Phương tiện và quy định giao thông** | - Ph­­ương tiện và quy định GT đường bộ - đ­ường sắt | 1 | 10/03 – 14/03 |
| - Phương tiện và quy định GT đường thuỷ | 1 | 17/03 – 21/03 |
| - Phư­­ơng tiện và quy định GT  đư­ờng hàng không | 1 | 24/03 – 28/03 |
| - Thực hành đi một số PTGT | 1 | 31/03 – 04/04 |
| **8** | **Nước và hiện tượng tự nhiên** | - Bé biết gì về nước | 1 | 07/04 – 11/04 |
| - Một số hiện tư­­ợng tự nhiên | 1 | 14/04 – 18/04 |
| - Mùa hè của bé | 1 | 21/04– 25/04 |
| **9** | **Quê hương đất nước - Bác Hồ** | - Quê hương Diễn Thái | 1 | 28/04 – 02/05 |
| - Bác Hồ của em | 1 | 05/05 – 09/05 |
| - Đất nước Việt Nam | 1 | 12/05 – 16/05 |
|  |  | **Tổng cộng** | **35** |  |

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**TRẺ 4 - 5 TUỔI – NĂM HỌC 2024 – 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Số tuần** | **Thời gian** |
| **1** | **Trường mầm non của bé- Bé vui tết trung thu** | - Bé vui đến trường | 1 | 09/09 - 13/09 |
| - Bé vui têt trung thu | 1 | 16/09 - 20/09 |
| - Lớp học của bé | 1 | 23/09 - 27/09 |
| **2** | **Bản thân** | - Bé tự giới thiệu về mình | 1 | 30/09 - 04/10 |
| - Cơ thể của tôi | 1 | 07/10 - 11/10 |
| -Tôi cần gì lớn lên và khoẻ mạnh | 1 | 14/10 - 18/10 |
| **3** | **Gia đình của bé** | - Gia đình thân yêu của bé | 1 | 21/10 - 25/10 |
| - Em yêu nhà em | 1 | 28/10 - 01/11 |
| - Đồ dùng bé thích | 1 | 04/11 - 08/11 |
| **4** | **- Ngày hội cô giáo 20/11**  **- Một số ngành nghề** | - Cháu yêu cô chú công nhân | 1 | 11/11 - 15/11 |
| - Ngày hội cô giáo 20/11 | 1 | 18/11 - 22/11 |
| - Bé thích nghề sản xuất | 1 | 25/01 - 29/11 |
| - Bé thích nghề tài xế | 1 | 02/12 - 06/12 |
| - Bé thích bác sỹ | 1 | 09/12 - 13/12 |
| - Cháu yêu chú bộ đội | 1 | 16/12 - 20/12 |
| **5** | **- Những con vật đáng yêu** | - Con vật trong gia đình | 1 | 23/12 - 27/12 |
| - Con vật sống dưới n­­ước | 1 | 30/01- 03/01 |
| - Con vật sống trên rừng | 1 | 06/01- 10/01 |
| - Chim – côn trùng | 1 | 13/01 - 17/01 |
| **6** | **-Thế giới thực vật**  **Bé vui đón tết**  **Ngày vui 8/3** | - Bé vui đón Tết - Mùa xuân | 1 | 20/01 - 24/01 |
| - Những bông loại hoa đẹp | 1 | 03/02 - 07/02 |
| - Một số loại rau – củ | 1 | 10/02 - 14/02 |
| - Bé yêu cây xanh | 1 | 17/02 - 21/02 |
| - Một số loại quả bé thích | 1 | 24/02 - 28/02 |
| - Ngày vui 8/3 | 1 | 03/03 – 07/03 |
| **7** | **Phương tiện và quy định giao thông** | - Ph­­ương tiện và quy định GT đường bộ - đ­ường sắt | 1 | 10/03 – 14/03 |
| - Phương tiện và quy định GT đường thuỷ | 1 | 17/03 – 21/03 |
| - Phư­­ơng tiện và quy định GT  đư­ờng hàng không | 1 | 24/03 – 28/03 |
| - Thực hành đi một số PTGT | 1 | 31/03 – 04/04 |
| **8** | **Nước và hiện tượng tự nhiên** | - Bé biết gì về nước | 1 | 07/04 – 11/04 |
| - Một số hiện tư­­ợng tự nhiên | 1 | 14/04 – 18/04 |
| - Mùa hè của bé | 1 | 21/04– 25/04 |
| **9** | **Quê hương đất nước - Bác Hồ** | -Diễn Châu quê hương em | 1 | 28/04 – 02/05 |
| - Bác Hồ của em | 1 | 05/05 – 09/05 |
| - Đất nước Việt Nam | 1 | 12/05 – 16/05 |
|  |  | **Tổng cộng** | **35** |  |

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**TRẺ 5 - 6 TUỔI NĂM HỌC 2024 - 2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Số tuần** | **Thời gian** |
| **1** | **Trường mầm non của bé - Bé vui trung thu** | - Bé vui đến trường | 1 | 09/09 - 13/09 |
| - Bé vui têt trung thu | 1 | 16/09 - 20/09 |
| - Lớp học của bé | 1 | 23/09 - 27/09 |
| **2** | **-Bản thân** | - Bé tự giới thiệu về mình | 1 | 30/09 - 04/10 |
| - Cơ thể tôi và bạn | 1 | 07/10 - 11/10 |
| - Bé cần gì lớn lên và khoẻ mạnh | 1 | 14/10 - 18/10 |
| **3** | **-Gia đình của bé -** | - Tổ ấm gia đình của bé | 1 | 21/10 - 25/10 |
| - Em yêu nhà em | 1 | 28/10 - 01/11 |
| - Nhu cầu của gia đình bé | 1 | 04/11 - 08/11 |
| **4** | **-Một số ngành nghề**  **- Ngày hội cô giáo 20/11** | - Bé thích nghề xây dựng | 1 | 11/11 - 15/11 |
| - Ngày nhà giáo việt Nam 20/11 | 1 | 18/11 - 22/11 |
| - Bé yêu bác nông dân | 1 | 25/01 - 29/11 |
| - Bé thích nghề dịch vụ | 1 | 02/12 - 06/12 |
| - Bé thích làm bác sỹ | 1 | 09/12 - 13/12 |
| - Cháu yêu chú bộ đội | 1 | 16/12 - 20/12 |
| **5** | **- Những con vật đáng yêu** | - Con vật trong gia đình | 1 | 23/12 - 27/12 |
| - Con vật sống dưới n­­ước | 1 | 30/01- 03/01 |
| - Con vật sống trên rừng | 1 | 06/01- 10/01 |
| -Chim – côn trùng | 1 | 13/01 - 17/01 |
| **6** | **-Thế giới thực vật**  **- Bé vui đón tết**  **- Ngày vui 08/03** | .- Bé vui đón Tết - Mùa xuân | 1 | 20/01 - 24/01 |
| - Bé thích một số loại hoa | 1 | 03/02 - 07/02 |
| - Một số loại rau – củ | 1 | 10/02 - 14/02 |
| - Bé thích một số loại quả | 1 | 17/02 - 21/02 |
| - Bé thích một số loại cây | 1 | 24/02 - 28/02 |
| - Ngày vui 8/3 | 1 | 03/03 – 07/03 |
| **7** | **Phương tiện và quy định giao thông** | - PT và quy định giao thông đường bộ, đường sắt | 1 | 10/03 – 14/03 |
| - Ph­­ương tiện và quy định giao thông đư­ờng thuỷ | 1 | 17/03 – 21/03 |
| - Phư­­ơng tiện và quy định GT  đư­ờng hàng không | 1 | 24/03 – 28/03 |
| - Thực hành một số PTGT | 1 | 31/03 – 04/04 |
| **8** | **Nước và hiện tượng tự nhiên** | - Bé biết gì về nước | 1 | 07/04 – 11/04 |
| - Các mùa trong năm | 1 | 14/04 – 18/04 |
| - Không khí, ánh sáng, đất đá, cát, sỏi | 1 | 21/04– 25/04 |
| **9** | **Quê hương- Đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học** | -Trường Tiểu học | 1 | 28/04 – 02/05 |
| - Đất nước Việt Nam | 1 | 05/05 – 09/05 |
| - Bác Hồ kính yêu | 1 | 12/05 – 16/05 |
|  |  | **Tổng cộng** | **35** |  |

***(Phụ lục 2)***

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

**TRẺ 24 – 36 THÁNG TUỔI:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý điều chỉnh** |
| **1.Tổ chức bữa ăn**  a, Số lượng và chất lượng bữa ăn  b,Chăm sóc bữa ăn | Trẻ nhà trẻ được ăn 2 bữa chính và bữa phụ.  Trẻ được ăn đảm bảo đủ chất đủ lượng. Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.  **\*Trước khi ăn**: GV Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa,..  - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn;  **\*Trong khi ăn**: Đối với trẻ nhà trẻ, giáo viên cần chú trọng chăm sóc trẻ trong khi ăn để động viên trẻ ăn hết suất;  + Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, trẻ mới ốm dậy  + Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.  **+ Sau khi ăn**: Giáo viên tập cho trẻ cất bát thìa, cô lau miệng cho trẻ, cho trẻ uống nước, đi bô vệ sinh. | Cô cấp dưỡng, giáo viên phụ trách dinh dưỡng |  |
| **2.Tổ chức giấc ngủ** | **-Trước khi ngủ:** tập trẻ đi vệ sinh, lấy gối..  + Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không  + Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).  **\*Trong khi ngủ**  + Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.  + Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo ru trẻ ngủ, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ.  **\* Sau khi thức dậy**  + Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.  + Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên và trẻ |  |
| **3.Tổ chức vệ sinh**  a,Vệ sinh cá nhân cô  b, Vệ sinh cá nhân trẻ  c, Vệ sinh môi trường nhóm, lớp | ***\* Vệ sinh cá nhân cô***  - Giáo viên đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ  ***\* Vệ sinh cá nhân trẻ***  Đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng.  - Nhóm trẻ phải có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần.  - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.  ***\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp***  - Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi  Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của nhóm lớp; Lau chùi đồ dùng đồ chơi không có bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ chất tránh đồ dùng chất đầy, không đưa ra sử dụng.  Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sach và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;  Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt vài tuần một lần  Cách thực hiện: Dùng  dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. | Giáo viên và trẻ, phối kết hợp phụ huynh |  |
| **4.Chăm sóc sức khỏe và an toàn**  a,Chăm sóc sức khỏe  b, Phòng và xử lý các bệnh thường gặp  c,Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp | +Khám sức khỏe định kì 1 năm 1 lần  +Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ  + Theo dõi tình trạng sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, thấp còi  + Trao đổi phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ  \* Tuyên truyền, trao đổi với phụ huynh về các bệnh thường gặp. Nhắc phụ huynh cho trẻ đeo khẩu trang, rửa tay sát khuẩn covid - 19  **\* Thể lực**  GV hàng ngày cho trẻ thường xuyên vận động để phát triển chiều cao  **\* Tính mạng**  GV hướng dẫn trẻ biết và tránh những nơi nguy hiểm. không chơi vật sắc nhọn, bỏ hạt vào mũi, không sờ vào ổ điện, chơi gần ao hồ,… | Phòng khám chuyên khoa  Giáo viên, NV y tế và trẻ |  |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

**TRẺ 3 - 4 TUỔI:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý điều chỉnh** |
| **1.Tổ chức bữa ăn**  a, Số lượng và chất lượng bữa ăn  b,Chăm sóc bữa ăn | Trẻ được ăn đảm bảo đủ chất đủ lượng. Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày.  **\*Trước khi ăn**: Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa  - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn;  **\*Trong khi ăn**: Giáo viên cần chú trọng chăm sóc trẻ trong khi ăn để động viên trẻ ăn hết suất;  + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: hướng dẫn trẻ biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, Giáo viên trao đổi, tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.  + Quan tâm với những trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.  + Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.  **+ Sau khi ăn**: Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát, 1 bên, thìa bên, biết cất ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Suc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. | Cô cấp dưỡng, giáo viên phụ trách |  |
| **2.Tổ chức giấc ngủ** | **\* Trước khi ngủ**: tập trẻ biết giúp cô kê sạp, trãi chiếu, sắp gối, chăn…  + Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước, đi vệ sinh trước khi đi ngủ.  + Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quàn áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).  **\*Trong khi ngủ**  + Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.  + Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác  **\* Sau khi thức dậy**  + Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.  + Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên và trẻ |  |
| **3.Tổ chức vệ sinh**  a,Vệ sinh cá nhân cô  b, Vệ sinh cá nhân trẻ  c, Vệ sinh môi trường nhóm, lớp | ***\* Vệ sinh cá nhân cô***  - Giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ  ***\* Vệ sinh cá nhân trẻ***  Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng.  Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; Chuẩn bị đủ cho các lớp xà phòng ( nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng.  - Giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần.  Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn  - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, mặc quần áo phù hợp với mùa.  ***\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp***  - Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi  Lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; đồ dùng đồ chơi, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ chất tránh đồ dùng chất đầy không đưa ra sử dụng.  Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sach và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi  Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần 2 lần giáo viên phát về phụ huynh.  Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. Cách thực hiện: Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.  + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. | Giáo viên và trẻ thực hiện |  |
| **4.Chăm sóc sức khỏe và an toàn**  a,Chăm sóc sức khỏe  b, Phòng và xử lý các bệnh thường gặp  c,Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp | +Khám sức khỏe định kì 1 năm 1 lần  +Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ  + Theo dõi tình trạng sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, thấp còi  + Trao đổi phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ  \* GV Tuyên truyền, trao đổi với phụ huynh về các bệnh thường gặp. Nhắc phụ huynh cho trẻ đeo khẩu trang, rửa tay sát khuẩn covid - 19  **\* Thể lực**  Thực hiện kế hoạch hàng ngày cho trẻ thường xuyên vận động, ăn ngủ, chăm sóc đúng cách .. để phát triển chiều cao  **\* Tính mạng**  GV hướng dẫn trẻ biết và tránh những nơi nguy hiểm. không chơi vật sắc nhọn, bỏ hạt vào mũi, không sờ vào ổ điện, chơi gần ao hồ, không theo người lạ… | Giáo viên , y tế và trẻ. Bệnh viên chuyên khoa, |  |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

**TRẺ 4 - 5 TUỔI:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý điều chỉnh** |
| **1.Tổ chức bữa ăn**  a, Số lượng và chất lượng bữa ăn  b,Chăm sóc bữa ăn | Trẻ được ăn đảm bảo đủ chất đủ lượng. Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày.  **\*Trước khi ăn**: Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa  - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn;  **\*Trong khi ăn**: Giáo viên cần chú trọng chăm sóc trẻ trong khi ăn để động viên trẻ ăn hết suất;  + Giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.  + Quan tâm hơn đối với những trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.  + Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.  **+ Sau khi ăn**: Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ. | Cô cấp dưỡng, giáo viên phụ trách |  |
| **2.Tổ chức giấc ngủ** | **\* Trước khi ngủ**: Cô cho trẻ giúp cô trực nhật, kê sạp, trãi chiếu, sắp gối, chăn…  + Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quàn áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).  **\*Trong khi ngủ**  + Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.  + Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác  **\* Sau khi thức dậy**  + Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.  + Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên và trẻ |  |
| **3.Tổ chức vệ sinh**  a,Vệ sinh cá nhân cô  b, Vệ sinh cá nhân trẻ  c, Vệ sinh môi trường nhóm, lớp | ***\* Vệ sinh cá nhân cô***  - Giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ  ***\* Vệ sinh cá nhân trẻ***  Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.  Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ xà phòng ( nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng.  - Giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần.  Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn  - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, mặc quần áo phù hợp với mùa.  ***\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp***  - Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi  Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày lau sao đồ dùng đồ chơi không có bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ chất tránh đồ dùng chất đầy, không đưa ra sử dụng.  Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sach và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi;  Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần 2 lần giáo viên trả về phụ huynh giặt.  Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. Cách thực hiện: Dùng  dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.  + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. | Giáo viên và trẻ thực hiện |  |
| **4.Chăm sóc sức khỏe và an toàn**  a,Chăm sóc sức khỏe  b, Phòng và xử lý các bệnh thường gặp  c,Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp | +Khám sức khỏe định kì 1 năm 1 lần  +Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ  + Theo dõi tình trạng sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, thấp còi  + Trao đổi phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ  \* GV Tuyên truyền, trao đổi với phụ huynh về các bệnh thường gặp. Nhắc phụ huynh cho trẻ đeo khẩu trang, rửa tay  **\* Thể lực**  GV thực hiện kế hoạch hàng ngày cho trẻ thường xuyên vận động, chăm sóc sức khỏe giờ ăn, giấc ngủ, vui chơi… để phát triển chiều cao  **\* Tính mạng**  GV hướng dẫn trẻ biết và tránh những nơi nguy hiểm. không chưi vật sắc nhọn, bỏ hạt vào mũi, không sờ vào ổ điện, chơi gần ao hồ, không theo người lạ… | Giáo viên, NV y tế và trẻ. Bệnh viên chuyên khoa. Phụ huynh |  |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

**TRẺ 5 – 6 TUỔI:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Phương pháp, hình thức thực hiện** | **Người thực hiện, người phối hợp thực hiện** | **Lưu ý điều chỉnh** |
| **1.Tổ chức bữa ăn**  a, Số lượng và chất lượng bữa ăn  b,Chăm sóc bữa ăn | Trẻ được ăn đảm bảo đủ chất đủ lượng. Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày.  **\*Trước khi ăn**: Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa  - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn;  **\*Trong khi ăn**: Giáo viên cần chú trọng chăm sóc trẻ trong khi ăn để động viên trẻ ăn hết suất;  + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.  + Quan tâm hơn đối với những trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.  + Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.  **+ Sau khi ăn**: Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. | Cô cấp dưỡng, giáo viên phụ trách |  |
| **2.Tổ chức giấc ngủ** | **\* Trước khi ngủ**: trẻ MG giúp cô trực nhật, kê sạp, trãi chiếu, sắp gối, chăn…  + Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước, đi vệ sinh trước khi đi ngủ.  + Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quàn áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).  **\*Trong khi ngủ**  + Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xẩy ra trong khi ngủ.  + Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác  **\* Sau khi thức dậy**  + Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.  + Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | Giáo viên và trẻ |  |
| **3.Tổ chức vệ sinh**  a,Vệ sinh cá nhân cô  b, Vệ sinh cá nhân trẻ  c, Vệ sinh môi trường nhóm, lớp | ***\* Vệ sinh cá nhân cô***  - Giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ  ***\* Vệ sinh cá nhân trẻ***  Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.  Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp xà phòng ( nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng.  - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vs.  Trong thời điểm dịch bệnh đang xẩy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn  - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, mặc quần áo phù hợp với mùa.  ***\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp***  - Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi  Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không có bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, đễ chất tránh đồ dùng chất đầy, không đưa ra sử dụng.  Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sach và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;  Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần 2 lần giáo viên tră về cho phụ huynh giặt.  Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. Cách thực hiện: Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.  + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. | Giáo viên và trẻ thực hiện |  |
| **4.Chăm sóc sức khỏe và an toàn**  a,Chăm sóc sức khỏe  b, Phòng và xử lý các bệnh thường gặp  c,Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp | +Khám sức khỏe định kì 1 năm 1 lần  +Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ  + Theo dõi tình trạng sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, thấp còi  + Trao đổi phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ  \* GV Tuyên truyền, trao đổi với phụ huynh về các bệnh thường gặp.  **\* Thể lực**  GV thực hiện kế hoạch hàng ngày chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho trẻ thường xuyên cho trẻ vui chơi vận động để phát triển chiều cao  **\* Tính mạng**  GV hướng dẫn trẻ biết và tránh những nơi nguy hiểm. không chưi vật sắc nhọn, bỏ hạt vào mũi, không sờ vào ổ điện, chơi gần ao hồ, không theo người lạ… | Giáo viên, Nv y tế và trẻ. Bệnh viên chuyen khoa, phối kết hợp phụ huynh |  |
| **5.Chăm sóc trẻ khuyết tật** | + GV dạy trẻ chơi hòa đồng cùng các bạn, đối xử công bằng không phân biệt trẻ với trẻ, thương yêu tôn trọng trẻ  GV chăm sóc giáo dục trẻ, cung cấp kiến thức kỷ năng cho trẻ,tạo trẻ cảm giác yên tâm vè thể chất và tinh thần khi đến lớp, giáo dục các bạn giúp đỡ trẻ, trong các hoạt động. | Giáo viên và trẻ |  |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC**

**TRẺ 24 -36 THÁNG TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **I.LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| **a/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | |
| 1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi  Trẻ trai: Cân nặng từ 11.6 đến 17.7 (kg) Chiều cao từ 89.4 đến 103.6 cm  Trẻ gái: Cân nặng từ 11.1 đến 17.2 kg Chiều cao từ 88.4 đến 102.7 cm | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ.  - Tập các bài tập thường xuyên.  - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối  - Trẻ được cân và đo, tháng 9, tháng 12, tháng 3 theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng.(15 tháng cân)  - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ  -Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần.  -Tổ chức các trò chơi vận động cho trẻ hàng ngày |
| 2. Cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép... | - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống  Dạy trẻ KN xúc cơm, lấy nước uống, đi dép |
| 3. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau |
| 4. Ngủ 1 giấc trưa, ngủ sâu, không đái dầm. | - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140 – 150 phút  - Biết chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô.  - Dạy trẻ kỹ năng: Lấy gối, cất gối, rèn thói quen đi tiểu trước khi ngủ |
| 5. Đi vệ sinh đúng nơi quy định theo sự hướng dẫn của cô | - Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt lau miệng uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.  Dạy trẻ kỹ năng bỏ rác đúng nơi qui định |
| 6. Biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ | - Tập tự phục vụ: xúc cơm uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bi bẩn, bị ướt  - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu, ăn ngủ, vệ sinh .  Dạy trẻ kỹ năng lấy cất ba lô |
| 7. Biết chấp nhận đội mũ khi đi nắng: | - Thực hiện một số thói quen khi đi ra ngoài.  - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.Đi dày dép, đội mũ, mặc quần áo ấm khi trời lạnh  Dạy trẻ kỹ năng đội mũ, cất mũ |
| 8. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh  Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh, ổ điện, vật sắc nhọn |
| 9. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm . | Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn…) khi được nhắc nhỡ.  Dạy trẻ kỹ năng không leo trèo, chơi vật sắc nhọn.. |
| **b. Phát triển vận động** | |
| 10. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, chân, lưng- bụng | - Hô hấp: tập hít vào, thở ra  - Tay: giơ cao, đưa tay ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay  - Lưng bụng, lườn: Cúi người về trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang 2 bên  - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân |
| 11. Giữ được thăng bằng trong vận động: đi,đứng, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô | Tập đi chạy,tập nhún bật.  - Đi theo hiệu lệnh, đi theo hướng thẳng  - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay  - Chạy theo hướng thẳng  - Đứng co 1 chân |
| 12. Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt khi tung bắt bóng, ném bóng vào đích. | - Tung và bắt bóng cùng cô  - Ném bóng về phía trước  - Ném bóng vào đích  - Tung bóng qua dây |
| 13. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, để giữ được vật đặt trên lưng. | + Tập bò, trườn  - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng  - Bò chui qua cổng  - Bò, trườn qua vật cản  - Bò theo đường ngoằn ngoèo |
| 14. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật, ném, đá bóng | - Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong các vận động  + Bật tại chỗ  + Bật qua vạch kẽ  + Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m).  + Đá bóng |
| 15. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất, vẽ, xâu vòng… | - Xoa tay, chạm các dầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé  - Đóng cọc bàn gỗ  - Nhón nhặt đồ vật  - Tập xâu, luồn dây. Cài cởi cúc, buộc dây  - Chắp ghép hình  -Tập cầm bút tô vẽ đồ theo nét  - Lật mở từng trang sách  Dạy trẻ kỹ năng cài cởi cúc  HĐVĐV: bổ sung vào Xâu vòng hoa tặng bạn, xếp đường đi, xếp bàn, ghế, gường, tủ…… |
| **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| 16. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | * Nhận biết đặc điểm nổi bật của 1 số giác quan trên cơ thể: mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để ngửi… * Một số loại hoa, quả. * Một số con vật quen thuộc. * Một số phương tiện giao thông. * Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.   - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua). |
| 17. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.   * Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. |
| 18. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | * Nhận biết về bản thân: Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.   - Nói được tên của cô giáo, một số bạn.  - Bác Hồ kính yêu.  - Gia đình của bé.  - Dạy trẻ kỹ năng biết thể hiện sự yêu thương bản thân, gia đình, cô giáo, bạn bè…qua một số hành động, việc làm cụ thể. |
| 19. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. | - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.  - Dạy trẻ một số kỹ năng giữ gìn, bảo vệ cơ thể đơn giản như: không đưa tay vào miệng, không ngoáy mũi, … |
| 20. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc,PTGT, một số đặc điểm đặc trưng trong các ngày hội, ngày lễ. | **\* Trường mầm non:**  **-** Trẻ nhận biết lớp học của bé  - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng của 1 số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.  + Bé vui đến trường ( trường, lớp, cô giáo Cầu trượt, xích đu...)  + Bé thích đồ dùng đồ chơi của lớp: (Quả bóng,búp bê cái bát, cái thìa, ..)  + Bé vui tết trung thu  - Dạy trẻ kỹ năng biết yêu thương cô giáo,bạn bè  **\* Gia đình bé:**  - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng của 1 số đồ dùng trong gia đình.  + Đồ dùng để ăn ( cái bát – cái thìa, Cái đĩa, đôi đũa..)  + Đồ dùng để uống. ( cái ấm – cái cốc – cái phích..  + Đồ dùng trong sinh hoạt (Cái bàn, cái ghế, giường- tủ)  - Dạy trẻ kỹ năng biết yêu thương những người thân trong gia đình.  **\* Chủ đề những con vật đáng yêu:**  - Trẻ nói được tên và một số đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc:  + Con vật nuôi trong gia đình.( Con gà, con vịt, con lợn, con trâu, bò)  + Con vật sống dưới nước.(Con cua, cá, tôm, ..)  + Con vật sống trong rừng.( con voi, hổ,. khỉ, hươu sư tử..)  + Ngày hội cô giáo 20/11  + Bé yêu chú bộ đội  - Dạy trẻ kỹ năng: + Biết yêu thương, chăm sóc, bảo vệ những con vật quen thuộc, gần gũi.  + Biết tránh xa những con vật hung giữ  **\*Chủ đề : Thực vật**  - Trẻ nói được tên và một số đặc điểm nổi bật của một số loại rau, hoa, quả quen thuộc:  + Một số loại rau ăn lá ( cải bắp, rau cúc, rau cải..)  + Các loại rau ăn củ.(củ xu hào, cà rốt, củ cải...)  + Những bông hoa đẹp.( Hoa cúc- hoa hồng,.. )  + Ngày tết yêu thương.( Bánh chưng- bánh tét)  + Những quả bé yêu thích.( Qủa cam, quả chuối, quả táo, quả khế, quả ổi, quả bưởi…)  + Ngày vui 8/3  + Bé yêu cây xanh (cây xoài - nhãn - cây hoa ban, cây tùng...)  - Dạy trẻ kỹ năng: + Biết chăm sóc, bảo vệ các loại cây xanh, hoa, rau củ...  + Một số kỹ năng cơ bản khi ăn các loại rau, củ, quả ( rửa tay trước khi ăn, rửa rau củ, quả, gọt vỏ, bỏ hạt...)  **\* Chủ đề phương tiện giao thông:**  - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.  + Phương tiện giao thông đường bộ.( Xe đạp, xe máy, xe ô tô..  + Phương tiện giao thông đường sắt.( Tàu hỏa - ô tô..)  + Phương tiện giao thông đường hàng không. ?( Máy bay- khinh khí cầu)  + Phương tiện giao thông đường thủy.( Thuyền buồn- tàu thủy)  + Ngày vui 8/3  - Dạy trẻ kỹ năng: + Một số kỹ năng khi tham gia giao thông: ngồi ngay ngắn, đội mũ bảo hiểm, không thò đầu ra ngoài…  **\* Chủ đề : mùa hè của bé:**  - Trẻ nói được tên và một số đặc điểm nổi bật của một số trang phục mùa hè.( Quần- áo)  - Dạy trẻ kỹ năng: biết đội nón mũ, che ô khi đi ra ngoài. |
| 21. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. | - Nhận biết màu đỏ- màu xanh  - Nhận biết màu đỏ- màu vàng  - Nhận biết màu đỏ- màu vàng- màu xanh  - Dạy trẻ kỹ năng: Xếp, cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định |
| 22. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu, số lượng một-nhiều. | * Kích thước to - nhỏ. * Hình tròn, hình vuông. * Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân. * Số lượng (Một- nhiều) |
| **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| 23. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động. | - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói  - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc  - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. |
| 24. Trả lời câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? …làm gì? … như thế nào? | - Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? ở đâu? Như thế nào?  - Trả lời và đặt các câu hỏi cái gì? Làm gì? ở đâu?...thế nào? tại sao?  - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. |
| 25. Hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản, nhớ tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện | - Nghe và hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trẻ lời được các câu hỏi về tên truyện và hành động của các nhân vật.  + **Kể chuyện**: kể chuyện theo tranh:  **Chủ đề : Trường mầm non**  Gấu con bị sâu răng (PhanLan Anh), Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên), chiếc đu màu đỏ (Trần Xuân Du) Thỏ ngoan (Hoàng Oanh),  Tình bạn hươu và thỏ  Bé gấu con tìm mẹ  Gấu con và những người bạn  Bé mai ở nhà trẻ  **Chủ đề : Gia đình**  - Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo), Thỏ dọn nhà (Kim Chi) + Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh - Tuyển tập thơ, truyện, bài hát MN), Chú gấu con ngoan (Sưu tầm)Cháu chào ông ạ (NguyễnThị Thảo) Hai anh em, Vịt con lông vàng....  Bé cún yêu mẹ  Bữa tối của gia đình  **Chủ đề: Động vật**  - Thỏ ngoan; , Mèo con nhút nhát + Con cáo +Quả trứng (Nguyễn Thị Thảo), Đôi bạn nhỏ ((Nguyễn Thị Thảo),Đôi bạn tốt, Cô Vịt tốt bụng.  **Chủ đề: Thực vật**  - Cả nhà đón tết, Chú đỗ con, Chiếc áo mùa xuân, củ cà rốt,Mùa xuân đã về (Nguyễn Phương Dung)  - Cô và các bạn xem hoa, Quả thị, Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm),Cây táo (Truy ện của Đức),Cả nhà đón tết.  Bông hoa hạnh phúc  Cây táo bé nhỏ  **Chủ đề : Phương tiện giao thông**  - Xe đạp trên đường phố (Thu Hạnh), Vì soa thỏ cụt đuôi,Chuyến du lịch của chú gà trống choai. Chiếc tàu thủy  Chuyến Phiêu Lưu Của Xe Cứu Hỏa  **Chủ đề : Mùa hè với bé**  - Cóc gọi trời mưa  **Chủ đề: Bé lên mẫu giáo**  - Bé mai đi chơi công viên  - Thỏ con không vâng lời |
| 26. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.  **\* Thơ**:  **Chủ đề : Trường mầm non – Trung thu**  -Cô dạy: Pham Hổ: - Bàn tay cô giáo (Định Hải)  - Đến lớp (Xuân Hoài)  - Vườn trẻ (Nhược Thuỷ) (Tuyển tập thơ -truyện MN)  - Bạn mới (Nguyệt Mai) - Bàn tay cô giáo (Định Hải)  - Bé ơi (Phạm Hổ) - Giờ ăn, giờ ngủ (Sưu tầm)  - Trăng (Trần Đăng khoa) - Đôi dép (Phạm Hổ),  - Bé đi nhà trẻ (Hoàng Kim Định),  - Khăn nhỏ (Phạm Hổ)  - Bập bênh, Làm đồ chơi, Giờ chơi (Lê Thị Hoa), bóng bay, Chơi với bạn, chia đồ chơi.  **Chủ đề : Gia đình**  - Yêu mẹ (Nguyễn Bao) - Chổi ngoan (Vũ ThanhTâm)  - Bé ngoan. Giờ ăn + giờ ngủ + Âm và chảo (Sưutầm),  - Gia đình hạnh phúc (sưu tầm)  - Cháu chào ông ạ  - Giúp mẹ, Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn - Tuyển tập thơ, truyện , bài hát MN),  - Dậy Sớm (Phạm Hổ),- Nụ cười của bé (Tô Thu Hiền), - Bàn tay cô giáo (Đinh Hải).  **Chủ đề: Động vật**  - Đàn vịt (Hoàng T.Minh Khanh)  - Mèo con; Đàn lợn con (Sưu tầm)  - Đàn bò (Trần Thanh), - Con cua (Trần Mạnh Hảo),  - Con cá vàng (Lam Hồng),  - Rong và cá (Phạm Hổ),  - Con voi (Đồng dao), - Cháu chào ông ạ,  - Gọi nghé (sưu tầm), - Tìm ổ (Phạm Hổ).  - Con Yến ( Hồng Trang)  - Gà gáy, ong và bướm ,Chim Sâu (Phong Thu).  **Chủ đề: Thực vật**  - Đi chợ tết, mưa xuân (Sưu tầm)  - Tết là bạn nhỏ (Phạm Trọng Bảo Viên)  - Hoa nở, Hoa kết trái (Thu Hà),  - Tập thể dục (Hoa Tầm Xuân)  - Quả thị (Thanh Thảo),  - Ổi + Dừa (Phạm Hổ - Tuyển tập thơ truyện bài hát MN),  - Cây bắp cải (Phạm Hổ),  - Chăm rau (Sưu tầm), Mưa xuân + Đi chợ tết (Sưu tầm),  - Tết là bạn nhỏ (Phan Trọng Bảo Viên),  - Cây dây leo, Rừng (Thu Hà).  **Chủ đề : Phương tiện giao thông**  - Quà 8/3  - Xe đạp (Phương Nam)  - Con tàu ;Đèn xanh đèn đỏ; (Định Hải)  - Đi chợ tết (Sưu tầm) - Đi chơi phố (Triệu Thị Lê);  - Đèn Báo (Nguyễn Lãm Thắng)  - Xe chữa cháy (Phạm Hổ) - Tiếng còi tàu (Hồng Vy).  (Đọc câu đố cho trẻ nghe)  **Chủ đề : Mùa hè với bé**  - Bóng mây (Thanh Hào); - Trăng sáng (Nhược Thủy)  - Sao lấp lánh (sưu tầm) - Cầu vồng (Nhược Thủy)  - Mưa xuân (Lê lâm),  - Trăng sáng, Cóc gọi trời mưa,Chiếc ô tô của thỏ trắng, Chim cuốc (Phạm Hổ)  - Mùa hè đến rồi  **Chủ đề: Bé lên mẫu giáo**  **-** Bé đi mẫu giáo ( trần t lan hương )  - Cô dạy (Phạm Hổ)  - Cô giáo của con (Hà Quang) |
| 27. Biết chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân | - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài  - Chào hỏi, trò chuyện. |
| 28. Phát âm rõ tiếng, nói được câu 3-4 từ | - Phát âm các âm khác nhau  - Nói to, đủ nghe, nói được câu có 3-4 từ  - Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. |
| 29. Trẻ biết sự dụng lời nói với các mục đích khác nhau. | Biết chào hỏi, trò chuyện  - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài  - Chào hỏi, trò chuyện.  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân  - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây?” “ Cái gì đây?” |
| 30. Nói to, đủ nghe, lễ phép. | Ở các hoạt động |
| **VI. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XH VÀ THẨM MỸ** | |
| 31. Nói được tên, tuổi của mình, thể hiện điều mình thích, không thích. | - Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)  - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân  - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. |
| 32. Trẻ thể hiện điều mình thích, không thích. | - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình |
| 33. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | - Giao tiếp với những người xung quanh.  Dạy trẻ kỹ năng chơi ở các góc |
| 34.Nhận biết được trạng thái xúc cảm vui, buồn, sợ hãi: | - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, hớn hở, sợ hãi…… |
| 35. Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi | - Quan tâm đến các vật nuôi  - Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi |
| 36. Biết chào hỏi lễ phép, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. | - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.  - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đén lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.  Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, cảm ơn |
| 37. Thích bắt chước một số hành động: ôm ấp, vỗ về, cho búp bê ăn... | - Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại)  Dạy trẻ kỹ năng bế em, cho em ăn, khuấy bột |
| 38. Chơi thân thiện với trẻ khác. Trẻ biết thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn | - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi của bạn  - Quan tâm đến các vật nuôi  - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp : xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.  Dạy trẻ kỹ năng lấy cất đồ dùng, đồ chơi ở các góc |
| 39.Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một số bài hát/ bản nhạc quen thuộc. | nghe âm thanh của các nhạc cụ  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc  - nghe âm thanh của các nhạc cụ. Vận động theo nhạc  **Chủ đề : Trường mầm non**  - Hát (vận động):  - Đi nhà trẻ (Đỗ Niêm) ,  - Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường),  - Bé ngoan (Hồng Ngọc),  - Lời chào buổi sáng ( Nguyễn Thị Nhung)  - Bóng tròn (Vũ Thanh) Búp bê  - Dạy hát,vận động theo nhịp : Bé chơi với búp bê, lái ô tô, Em búp bê. ( Nguyễn Nhật Minh)  **Chủ đề : Gia đình**  - Hát(vận động):  - Lời chào buổi sáng (NguyễnThị Nhung)  - Cháu yêu bà ( Xuân Giao)  - Đôi dép (Hoàng Kim Định),  - Đi ngủ (Hoàng Văn Yến),  - Giấu tay (Bùi Anh Tôn),  - Chiếc khăn tay (Văn Tấn),  - Biết vâng lời mẹ (minh khang),  - Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo)  **Chủ đề: Động vật**  - Đàn vịt con (Mộng Lân)  - Con gà trống (Tân Huyền),  - Cá vàng bơi (Hoàng Hà),  - Voi làm xiếc (Phan Hiền);  - Là con mèo (Mộng lân),  - Gà trống,mèo con và cún con (Thế Vinh)  - Một con vịt (Kim Duyên)  **Chủ đề: Thục vật**  - Hát, vận động: Sắp đến tết rồi, ,  - Bé và hoa, (Trương Duy Huyến)  - Cây bắp cải,  - Đi chơi tết.  - Như những cánh hoa (Bùi Anh Tôn)  - Bé và hoa (Thu Hiền),  - Đi một hai (Đoàn Phi),  - Quả (Xanh Xanh), Cây bắp cải,  **Chủ đề : Phương tiện giao thông**  - Lái ô tô; Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý);  - Đèn xanh, đèn đỏ (Lương Vĩnh, Thế Hội);  - Đường em đi (Ngô Quốc Tính,Tường Văn) ,  - Đoàn tàu nhỏ xíu,  **Chủ đề : Mùa hè với bé**  - Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung);  - Đếm sao (Văn Chung )  - Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên)  **Chủ đề: Bé lên mẫu giáo**  - Em đi mẫu giáo  - Cùng múa vui |
| 40.Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. | **Nghe hát**:  **Chủ đề : Trường mầm non**  - Trường chúng cháu đây là trường Mầm non (Phạm Tuyên),  - Bé và trăng (Nhạc: Bùi Anh Tôn, Lời Lệ Bình) + Vui trung thu  - Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường),  - Mẹ yêu không nào (Bùi Anh Tôn),  - Cùng múa vui (Xuân Giao)  **Chủ đề : Gia đình**  - Ru con (DCNB),  - Chim mẹ chim con (Đặng Nhất Mai), ),  - Cả nhà thương nhau (Phan V ăn Minh),  - Ru con (DC Nam bộ), - Tổ ấm gia đình (HoànVân), - Cho con (Phạm Trọng Cầu),  - Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên),  - Mẹ yêu không nào.  - Gia đình nhỏ hạnh phúc to  **Chủ đề: Động vật**  - Đàn gà con (Việt Anh),  - Một con vịt (Kim Duyên),  - Tôm cá cua thi tài,Chú voi con ở Bản Đôn ( Phạm Tuyên),  - Con Chuồn chuồn (Vũ Đình Lê),  - Chú ếch con ( Phạm Nhân)  Chim mẹ chim con - Tiếng hát vịt con  + Cô và mẹ + Cô giáo miền xuôi  + Cháu thương chú bộ đội – anh phi công ơi  **Chủ đề: Thực vật**  - Em yêu cây xanh,Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện)  - Em thêm một tuổi (Hoàng Yến),  - Cùng múa hát mừng xuân.  - Hoa trong vườn; Hoa thơm bướm lượn; Quả gì?, Bác bầu bác bí, Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), Em thêm một tuổi,  - Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến),..  **Chủ đề: Phương tiện giao thông**  - Dân ca tự chọn;  - Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); - Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường);  - Anh phi công ơi (Xuân Giao,Xuân Quỳnh),  **Chủ đề: Mùa hè với bé**  - Dân ca tự chọn,  - Cho tôi đi làm mưa với,  - Nắng sớm, - Trời nắng trời mưa  - Chiếc phao bơi  **Chủ đề: Bé lên mẫu giáo**  **Nghe hát :**  **-**Em đi mẫu giáo  -Em mơ gặp bác hồ ( Xuân giao)  \* Trò chơi  - Giọng hát to- giọng hát nhỏ. Tai ai tinh  - Nghe âm thanh to nhỏ, Ai đoán giỏi  - Nghe giai điệu đoán tên bài hát  - Ai hát đấy. Gà gáy vị kêu- Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ khác nhau  - vũ điệu vui nhộn |
| 41.Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản | Tập sử dụng ĐDĐC qua TC giả bộ: trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại. |
| 42. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, Xâu, thích xem sách, tranh ảnh có màu sắc... | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình, xem tranh  .**Chủ đề: Trường mầm non**  + Chơi với đất nặn.+ Di Màu quả bóng  + Tô màu cái trống lắc - Tô màu bong bóng  + Nặn bút chì, nặn viên phấn  + Tập di màu: +Tô màu cô cấp dưỡng,  **Chủ đề: Gia đình, ngày hội cô giáo**  + Tô màu cái xô+ Xâu vòng tặng bạn  +Tô màu chiếc cốc + Vẽ hoa tặng cô giáo  + Tô màu chiếc áo của mẹ .  + Di màu chiếc khăn + Tô màu đường về nhà  **Chủ đề: Động vật**  + Nặn thức ăn cho các con vật; NÆn con giun  + Tô màu con cá heo, + Tô màu con voi  + Xâu vòng con vật + XÐ sán quả trứng,  + Xé giấy vụ làm thức ăn con vật  **Chủ đề: Giao thông- Ngày vui 8/3**  + Nặn bánh xe + Tô màu ô tô  + Tập vẽ con đường  + Dán đèn giao thông  +Tô màu mũ bảo hiểm  + Tô màu thuyền + Tô màu mũ bảo hiểm  + Tô màu cái áo của mẹ  + Dán hoa tặng mẹ, cô bạn gái  **Chủ đề: Thực vật -Ngày tết của bé**  + Dán lá cho cành hoa  – Dán hoa mùa xuân  + Nặn quả  + Tô màu bông hoa;  + Tô màu bánh chưng  + Tô màu quả táo;  + Tô màu củ cà rốt,  + Dán lá cho cành hoa..  + Nặn cánh hoa  **Chủ đề: Mùa hè với bé**  + Vẽ các tia nắng + Vẽ mưa mùa xuân  + Tô màu ông mặt trời  + Tô màu cái áo  + Tô màu bóng bay. +Tô màu chiếc ô,  **Chủ điểm : Bé lên mẫu giáo**  + Tô màu bánh ga tô + Vẽ trên trang giấy  + Nặn đôi đũa |

**KẾ HOẠCH**

**HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 3 - 4 TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| ***a. Phát triển vận động*** |  |
| 1.Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. phát triển bình thường về chiều cao và cân nặng theo lứa tuổi  Trẻ trai : Cân nặng đạt 12,9 – 20,8 kg  Chiều cao đạt 94,4–111,5cm  Trẻ gái: Cân nặng đạt 12,6 - 20,7 kg  Chiều cao đạt 93,5 – 109,6 cm | - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối  - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng, Xây dựng thực đơn phù hợp theo tuần, ngày, tháng, Mùa..  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ  - Tập các bài tập thể dục thường xuyên  - Tháng 09 trẻ được cân và đo, tháng 12 cân, tháng 3 cân và đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng (ngày15 tháng cân)  - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống trẻ béo phì  - Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần |
| 2. Biết tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. Biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | - Tập động tác hô hấp: Hít vào, thở ra  - Tập động tác tay:  + Đưa 2 tay lên cao,ra phía trước, sang hai bên.  + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước  + Quay sang trái, sang phải  + Nghiêng người sang trái, sang phải  - Chân:  + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. |
| 3. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể kiểm soát khi thực hiện vận động đi/ chạy | + + Đi kiễng gót liên tục 3m.  + Đi trong đường dích dắc.  + Đi trên vạch kẻ thẳng  + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.  + Đi kiễng gót, bước lên xuống bục cao  + Đi trong đường hẹp - Bò thấp.  + Đi bước dồn ngang - Trèo ghế.  + + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Đi/ Chạy thay đổi theo hướng dích dắc.  + Chạy liên tục trong đường dích dắc 3 – 4 điểm.  + Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. |
| 4.Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: tung- bắt bóng, tự đập-bắt bóng | - Tung bắt bóng với cô được 3 lần liền  - Tung bóng lên cao bằng 2 tay.  - Chuyền bóng theo hàng ngang, dọc  - Chuyền bóng qua đầu  - Chuyền bóng qua chân  - Lăn, tung bóng với bạn, cô  - Đập bóng xuống sàn bằng 2 tay;  - Ném trúng đích nằm ngang. Xa 1,5m  - Ném trúng đích thẳng đứng 1 tay.  - Ném xa bằng 1tay. |
| 5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. Bò, trườn.. | + Bật – nhảy  - Bật xa 20 – 25cm  - Bật tại chỗ  - Bật tiến về phía trước  - Bò trong đường hẹp  - Bò thấp chui qua cổng.  - Bò trong đường dích dắc  - Bò trong đường hẹp, ném đích ngang  - Trườn sấp theo hướng thẳng;  - Bước lên, xuống bục cao 30cm  - Đi trong đường hẹp, bước lên xuống bục cao  - Đi kiễng gót, Bò chui qua cổng  - Đi trên vạch kẻ thẳng, ném xa bằng 1 tay  - Bật xa, ném đích đứng |
| 6. Trẻ thực hiện, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: | - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. Xoay tròn cổ tay.  - Đan, tết.  - Xé, dán giấy.  - Sử dụng kéo, bút.  - Tô vẽ nguệch ngoạc.  - Xếp chồng các hình khối khác nhau 8 – 10 khối.  - Cài, cởi cúc. Đan tết  - Vẽ được hình tròn theo mẫu.  - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. |
| ***b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | |
| 7. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc | - Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày quen thuộc khi nhìn thấy vật thật hoặc tranh ảnh trứng rán, cá kho, canh rau… Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì… và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất |
| 8. Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày. Biết được ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | Nhận biết các món ăn hằng ngày ở trường MN, ở nhà.( thịt bò xào lúc lắc, trứng rán, tôm rim…..)  - Biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Biết được ý nghĩa của các loại thực phẩm đối với con người.  - Chấp nhận ăn phối hợp, đầy đủ 4 nhóm thực phẩm.  Dạy trẻ kỹ năng nhận biết các món ăn hàng ngày |
| 9. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. | - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt, súc miệng.  - Tập rửa tay bằng xà phòng.  - Biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Tháo tất, cởi quần áo.Cởi, cài cúc.  - Biết cất đồ dùng cá nhân, đồ chơi đúng nơi qui định- Giúp cô chuẩn bị cho giờ ngủ trưa  + Dạy trẻ kỹ năng rửa tay, lau mặt  + Dạy trẻ kỹ năng đi tất, tháo tất, cài cúc, cởi áo |
| 10. Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách | Biết cách sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách, đúng ký hiệu riêng của mình.  + Dạy trẻ kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống |
| 11. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống | - Không nói chuyện, cười đùa trong khi đang ăn, biết rót, vặn nước để uống  Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn và bỏ thức ăn ra đĩa. Nhặt bỏ thức ăn rơi vào đĩa  +Dạy trẻ kỹ năng hành vi tốt trong bữa ăn |
| 12. Biết được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  . | - Biết giữ gìn vệ sinh thân thể: Rửa tay ( Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh...), lau mặt, tắm gội hàng ngày, cắt móng tay chân sạch sẽ.  - Tập thói quen không bỏ tay vào miệng, không đi chân đất, không khạc nhổ bừa bãi, biết đội mũ khi đi nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, bị ốm.  - Tập thói quen mặc quần áo phù hợp thời tiết  - Có nhu cầu được nghỉ học khi mắc các bệnh truyền nhiễm như: Đau mắt đỏ, phát ban, ỉa chảy, sốt vi rút......  - Dạy trẻ kỹ năng đi vệ sinh, cất dép, đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định |
| 13. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (Ổ cắm điện, bàn là, phích nước nóng, quạt đang quay, bếp đang đun,......)  - Tránh xa các vật dụng nguy hiểm.  - Biết gọi người lớn giúp khi xảy ra sự cố với các vật dụng hiểm nguy.  - Dạy ttrẻ kỹ năng phòng tránh những nơi nguy hiểm, điện giật, biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm |
| 14. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở. Biết kêu cứu và chạy ra khỏi nơi nguy hiểm. | - Nhận biết và tránh nơi nguy hiểm (ao hồ, sông suối, nơi nuôi thú dữ, hố vôi, hố ga, mương....)  - Biết gọi người lớn giúp khi bản thân và người khác gặp nguy hiểm.  -Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước |
| 15. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. | - Biết tránh nguy cơ hóc sặc trong 1số tình huống: ăn các loại quả có hạt, cười đùa trong khi ăn, khi uống nước, chơi với các loại hột hạt...  : Không tự ý uống thuốc, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.....không nghịch các vật sắc nhọn, không leo trèo bàn ghế, lan can, cửa sổ, xe máy...., không nghịch lửa  - Dạy trẻ kỹ năng không nhận quà, đi theo người lạ  - Dạy trẻ kỹ năng không chơi vật sắc nhọn, hột hạt |
| **II.VỰC LĨNH PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| ***a. Khám phá khoa học*** | |
| 16. Quan tâm, hứng thú với các SVHT gần gũi như: chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng | Trẻ quan sát và tìm hiểu về một số hiện tượng thời tiết( nắng, mưa, nóng lạnh..) ảnh hưởng sinh hoạt con người.  - Một số hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ  Đặc điểm mùa. xuân – Hạ - Thu - Đông  - Bé biết gì về nước  - Các mùa trong năm  - Mùa hè của bé |
| 17. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng, nhận biết đồ dùng đồ chơi. | Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng, nhận biết đồ dùng đồ chơi  - Nhu cầu đồ dùng gia đình bé  - Những bông hoa  - Một số loại quả bé thích  - Một số loại cây xanh bé thích  - Một số loại rau - củ  + Động vật nuôi trong gia đình  + Động vật nuôi trong rừng  + Động vật sống dưới nước  + Chim – côn trùng  + Phương tiện và quy định giao thông đường bộ- đường sắt: Ô Tô ,xe máy, xe đạp, xe lu,tàu hỏa…  + Phương tiện và quy định giao thông đường thủy: Tàu thủy, thuyền buồm,ca nô…..  + Phương tiện và quy định giao thông hàng không: Máy bay, kinh khí cầu…. |
| 18.Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. | - Trẻ làm một số thi nghiệm đơn giản như Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.  - Các chất tan, không tan - vật chìm vật nổi  - Hiện tượng, lạnh, nắng, mưa  - Khám phá về nước |
| 19. Trẻ biết Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | - Xem tranh ảnh, nhận biết hình ảnh, gọi tên một số hình ảnh trong tranh qua các hoạt động |
| 20.Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | - Phân loại hoa quả. Đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng GĐ Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước. PTGT |
| 21.Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.  - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày  - ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật cây |
| 22. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày  - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá cát sỏi |
| 23. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...  - Hát các bài hát về cây, con vật...  -Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. |
| ***b. Làm quen một số khái niệm về toán*** | |
| 24. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng , đếm vẹt, biết sự dụng ngón tay để biểu thi số lượng. | - Trẻ đếm vẹt, đếm trên nón tay, ngón chân để biểu thị số lượng |
| 25. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | \* Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm  - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.  + Nhận biết 1 và nhiều  - Đếm đến 2 nhận biết nhóm có 2 đối tượng  - Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng.  - Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng.  - Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng. |
| 26. So sánh số lượng hai đối tượng trong phạm vi 5 | So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. |
| 27. Biết tách, gộp 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 | - Tách, gộp 1 nhóm 2 đối tượng và đếm  - Tách, gộp 1 nhóm 3 đối tượng và đếm  - Tách, gộp 1 nhóm 4 đối tượng và đếm  - Tách, gộp 1 nhóm 5 đối tượng và đếm |
| 28. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản( mẫu) và sao chép lại. | - Xếp xen kẽ.  **-** Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi  - Sao chép lại quy tắc sắp xếp đơn giản (Theo mẫu) |
| 29. Biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được to- nhỏ, dài ngắn, cao thấp | - So sánh hai đối tượng về kích thước.  - So sánh về độ lớn của 2 đối tượng và nói được từ: (To hơn, nhỏ hơn.)  - So sánh về chiều cao của 2 đối tượng và nói được từ: (Cao hơn, thấp hơn)  - So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ: (Dài hơn, ngắn hơn.) |
| 30. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn- vuông, tam giác- chữ nhật. | - Nhận biết, phân biệt: Hình vuông - hình tròn.  - Nhận biết, phân biệt: Hình tam giác - hình chữ nhật.  - Nhận dạng các hình đó trong thực tế  - Sử dụng các hình học để chắp ghép. |
| 31**.** Sự dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | - Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước, sau của bản thân trẻ  - Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân. |
| ***c. Khám phá xã hội*** | |
| 32.Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân..  - Bé giới thiệu về mình |
| 33.Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình | - Gia đình thân yêu của bé.  - Ngôi nhà yêu thương  - Nhu cầu đồ dùng gia đình bé |
| 34.Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Bé vui đến trường. |
| 35.Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | - Cháu yêu cô chú công nhân  - Bé thích nghề sản xuất  - Bé yêu chú bộ đội  - Bé thích làm bác sỹ.  - Bé thích làm lái xe |
| 36.Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh | - Ngày hội đến trường của bé  - Bé vui tết trung thu.  - Ngày hội của cô giáo (Ngày 20/11)  - Cháu yêu cô, chú bộ đội (Ngày 22/12)  - Bé vui đón tết nguyên đán.lễ hội mừng xuân  - Ngày vui của bà, của mẹ..(Ngày 08/03)  - Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5.- tết thiếu nhi 1/6... |
| 37**.** Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | - Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của địa phương:  - Nhận biết lá cờ tổ quốc  Quảng trường Hồ chí minh, quê nội quê ngoại Bác Hồ đền cuông....cánh đồng lúa.. Nhà thờ Nguyễn Xuân Ôn |
| **III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| 38. Trẻ biết thực hiện được yêu cầu đơn giản | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. |
| 39. Trẻ Hiểu nghĩa từ khái quát gần gủi. | - Hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, quần áo, đồ chơi ,hoa quả ,sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. |
| 40. Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? |
| 41. Trẻ nói rõ các tiếng. | - Phát âm các tiếng của tiếng việt rõ như : ông, bà, bố, mẹ…. |
| 42. Trẻ sự dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.....Trả lời được các câu hỏi “ Ai đây?, “ cái gì đây?”; “Làm gì?”, “...làm như thế nào?” |
| 43. Trẻ biết Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.  - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. |
| 44. Trẻ Biết kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân. | - Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. |
| 45. Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao | - Đọc thơ ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè  **Chủ đề: trường mầm non – Trung thu**  - Bạn mới (Nguyệt Mai), Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn), Tình bạn (TrầnThị Hương),Quà trung thu  Cô giáo của con (Hà Quang), Làm đồ chơi, Chúng ta đều là bạn (Phạm Mai Chi),  Bé không khóc nữa (Vũ Thị Minh Tâm)  Bé yêu trăng ( Lệ Bình), Thỏ con và mặt trăng (Phạm Hổ)  **Chủ đề: bản thân**  - Bé ơi (Phong Thu), Đôi mắt của em  + Cái lưỡi (Lê T.M Phương), Miệng xinh (Phạm Hổ), Bạn của bé (Vương Trọng), Giờ ăn + giờ ngủ (Lương Bình), Giờ chơi ( Lê Thị Hoa), Chúng ta đều là bạn, Tay ngoan, chiếc bóng... Cô dạy.(Phạm Hổ)...  **Chủ đề: gia đình:**  - Lòng mẹ (Hoàng T.Minh Khanh) , Lời chào (Nguyễn Tiến Bình), Bà và cháu (Phạm Thị Thọ),Thăm nhà bà (Như Mạo), Lấy tăm cho bà (Định Hải), Chia bánh (Trương Hữu Lợi), Chiếc quạt nan (Xuân Cầu), mẹ gọi ...  **Chủ đề:Nghề nghiệp**:  - Em làm thợ xây (Hoàng dân), Làm nghề như bố (Thu Quỳnh), Bé xếp nhà (Chu Huy)Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh), Bác nông dân (Phương Hoa), Đi bừa (Hoàng Dân), Làm bác sĩ (Lê Ngân)**,**Chú giải phóng quân(Cẩm Thơ),Ước mơ của bé, Mẹ và cô (Trần Quốc Toán)  **Chủ đề: động vật**  - Đàn gà con (Phạm Hổ), Con trâu, Kể cho bé nghe (Trần Đăng Khoa)., Cá ngủ ở đâu, Rong và cá (Phạm Hổ), Gấu qua cầu , Con khỉ.(Hoàng T.Minh Khanh), Chú giải phóng quân ( Cẩm Thơ),gà nở ...  **Chủ đề: thực vật – bé vui đón tết. Ngày 8/3**  - Cây dây leo (Xuân Tiến), Quả (GVMN – Gia Lai) , Chùm quả ngọt (Tạ Hữu Nguyên), Bác bầu bác bí (Trường MN Ngọc Lan II) , Bắp cải xanh (Phạm Hổ), Hoa kết trái , Hoa đào hoa mai (Lê Bình) -Tết đang vào nhà **-** Mùa xuân (Tú Mỡ) Hoa đào hoa mai (Lệ Bình), Hoa kết trái (Thu Hà), Hoa mào gà (Thanh Hảo)., Dán hoa tặng mẹ, Quả gì?, Dứa, Na, Chanh, Ổi, Bắp cải xanh (Phạm Hổ), Rau ngót rau đay, Củ cà rốt (Phạm Hổ), họ nhà cam quýt,Giàn gấc(Đặng Vương Hùng), Mùa xuân (Tú Mỡ), bó hoa tặng cô, ăn quả, cây đào  - Chúc Ngày mồng 8 tháng 3  Lời chức của bé  **Chủ đề: giao thông**  - Bé và mẹ ( LươngThị Xim); Khuyên bạn (Nguyễn Thị Sen); Đèn giao thông ( Mỹ Trang); Xe chữa cháy ( Phạm Hổ) trên đường; giúp bà  **Chủ đề: nước và hiện tượng tự nhiên**  - Mưa ( Lê Lâm), Giữa trưa hè( Nguyễn Ngọc Ký), Chị gió( Đoàn Thị Phượng), Cầu vồng  ( Nhược Thủy), Mưa rơi, Nắng 4 mùa( Mai Anh Đức),Giọt nước tý xíu, bình minh trong vườn  **Chủ đề: quê hương đất nước- Bác Hồ**  - Bác Hồ của em, Hoa quanh lăng Bác ( Nguyễn Bao),Ảnh bác( Trần Đăng khoa), làng em buổi sáng...  **\*Một số bài ca dao đồng dao**  - Chi chi chành chành - Nu na nu nống  - Đi càu đi quán - Dung dăng dung dẻ  - Lúa ngô là cô đậu nành- Lộn cầu vồng  - Con kiến mà leo cành đa  - Đố ai đếm được lá rừng |
| 46. Lắng Nghe kể truyện, hiểu và trả lời được câu hỏi của đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung chuyện kể, chuyện đọc phù hợp với độ tuổi  **Chủ đề: Trường mầm non – Trung thu**  - Chú cuội cung trăng, Món quà cô giáo (Tú Anh) Gà tơ đi học(Cẩm Linh), Đôi bạn tốt (Lê Thu Hương).  **Chủ đề: Bản thân**  - Cậu bé mũi dài + Mỗi người một việc (Lê Thu Hương – Lê Thị Đức), Câu chuyện của tay trái và tay phải (Lý Thị Minh Hà), Món quà đặc biệt (Thanh Bình), Bé Minh Quân dũng cảm (Minh Hương), Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên), Em bé dũng cảm (Phạm Mai Chi), Cô bé quàng khăn đỏ, Chú vịt xám  - Cháu ngoan (Hoàng Thị Cúc),  **Chủ đề: Gia đình**  Quà tặng mẹ (Thu Hằng), Tích chu (Phỏng theo truyện Sự tích chim cu), Thỏ dọn nhà (Kim Chi), Ba cô tiên (Nhược Thuỷ), Nhổ củ cải, cô bé quàng khăn đỏ  **Chủ đề: Động vật**  - Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên), Ba anh em (Truyện cổ Grim), Ba điều ước ( Truyện cổ Tây Nguyên), Thần sắt ( Truyện cổ dân tộc thái), Cây rau của thỏ út (Phong Thu), Lợn và cừu (Phong Thu)  - Ba chú lợn nhỏ (Phạm Thị Sửu - Đặng Thu Quỳnh), Chú bê trắng, Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo),Gà trống và vịt bầu, Thỏ con ăn gì?, Bác gấu đen và 2 chú thỏ , Củ cải trắng, Chú thỏ tinh khôn (Vũ Tú Nam), ba con gấu  **Chủ đề: Thực vật –bé vui đón tết**  - Cây tre trăm đốt ,Con cáo và chùm nho, Nhổ củ cải (Truyện dân gian Nga), chú đỗ con (Viết Linh), sự tích quả dưa hấu(Truyện cổ VN) ,Hoa bìm bìm (Kim Tuyến kể), Hoa mào gà (Thuỳ Dương sưu tầm), Quả bầu tiên ( Rau thìa là (Nhược Thuỷ), Sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ VN)  **Chủ đề: Ngành nghề**  - Câu chuyện về chú xe ủi  - Gà trống choai và hạt đậu  - Cây rau của thỏ út  - Bé hành đi khám bệnh: Tg: Thái Hùng  **Chủ đề: phương tiện giao thông**  - Qua đường, Vì sao thỏ cụt đuôi, xe lu và xe ca ( phong Thu), xe đạp con trên đường phố...  **Chủ đề: nước và HTTN**  - Hồ nước và mây( Sưu tầm), Câu chuyện về giọt nước( Lê Tuyết Lê), Nàng tiên mưa, Cô mây(Nhược Thủy), Đám mây đen xấu xí (Nguyễn Văn Thắng),  Cóc kiện trời (Thần thoại VN- Nàng tiên mưa:  Chú bé giọt nước ( Lê Tuyết Lê),  **Chủ đề: Quê hương- đất nước –Bác Hồ**  **-**Khen các cháu: Tác giả: Đào đức Liên Sơn  -Ai ngoan sẽ được thưởng: Tác giả Tuỵ phương và thah tú kể)  - Truyền thuyết vua hùng trồng kê tra lúa, truyền thuyết vua hùng dạy dân cấy lúa  Niềm vui bất ngờ ( Theo cuốn Bác Hồ kính yêu)... |
| 47. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện, nói đủ nghe, không nói lí nhí. | Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.  Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với nhân vật trong câu chuyện |
| 48. Sự dụng các từ “ vâng ạ”; “dạ”; “ thưa” …trong giao tiếp | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.  Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu như dạ, thưa, vâng ạ, xin lỗi trong giao tiếp |
| 49. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự dở sách xem tranh. | Tiếp xúc với chữ, sách truyện.  Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau  Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu  +Cầm sách đúng chiều , mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.Giữ gìn sách. |
| 50. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | - Mô tả nhân vật trong tranh bằng lời nói và cử chỉ hành động  - Làm quen với một số ký hiệu thông thư­ờng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) |
| 51. Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc. | **-**  các nét xiên ,thắng, viết nguệch ngoạc |
| **IV.PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỶ NĂNG XÃ HỘI** | |
| 52. Nói được tên, tuổi, giới tính của bạn thân.Trẻ nói được điều bé thích, không thích | Tên, tuổi, giới tính của bản thân  - Bé thích hát? Thích vẽ, thích nghe kể chuyện… |
| 53. Mạnh giản tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | Trả lời câu hỏi của người khác  Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp trong khi chơi |
| 54. Trẻ biết cố gắng thực hiện các công việc được giao. | - Thực hiện công việc được giao( trực nhật, thu dọn đồ chơi…)  Dạy trẻ kỹ năng lấy cất đồ dùng, đồ chơi |
| 55. Trẻ nhận biết cảm xúc( vui, buồn, sợ, hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh. | - Biết cảm nhận được một số trạng thái cảm xúc của người khác và có biểu lộ phù hợp. |
| 56. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ, hãi, tức giận | + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc( vui, buồn, sợ, hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói  Dạy trẻ kỹ năng biết quan tâm bạn bè |
| 57. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.Trẻ  thích nghe kể chuyên, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về bác Hồ. | - Kính yêu Bác Hồ. nhận biết hình ảnh Bác qua bài thơ. Câu chuyện, xem tranh ảnh về Bác Hồ  - Thuộc một số bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác và thể hiện tình cảm đối với Bác qua hát, đọc thơ, kể chuyện.  - Quan tâm cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. |
| 58. Trẻ biết thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | Một số quy định ở lớp và gia đình ( Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)  Kỹ năng sắp xếp, cất dọn đồ dùng đồ chơi |
| 59. Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép. | - Cử chỉ, lời nói lễ phép( chào hỏi, cảm ơn)  - Dạy trẻ kỹ năng biết chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn |
| 60. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói. | - Chờ đến lượt  Dạy trẻ kỹ năng chú ý lắng nghe, trả lời |
| 61. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, cất dọn đồ dùng, đồ chơi. | - Giữ dìn vệ sinh môi trường  + Tiết kiệm điện nước  + bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.  + Một số quy định ở lớp và gia đình( để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ)  + Dạy trẻ kỹ năng bỏ, nhặt rác đúng nơi quy định  + Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm điện nước |
| 62. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối |
| **V.LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẪM MỸ** | |
| 63. Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tưởng. | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng xung quanh và tác phẩm nghệ thuật gần gũi. Trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật |
| 64. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát bản nhạc. | - Nghe các bài hát, bản nhạc( nhạc thiếu nhi, dân ca).  **Chủ đề: trường mầm non**:  + Nghe hát : Ngày đầu tiên đi học (Bùi Đình Thảo), Em Yêu trường em (Hoàng Vân), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Tìm bạn thân (Việt Anh),Vui đến trường ( Hồ Bắc), Đêm trung thu  ( Phùng như Thạch, Gác trăng (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: bản thân:**  +Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thu),  + Thật đáng chê (Việt Anh): Ru con (DCNB)  **Chủ đề gia đình**:  + Nghe hát: Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân), Cho con (Phạm Trọng Cầu), Khúc hát ru của người mẹ trẻ): Em là bông hồng nhỏ ...Gia đình nhỏ hạnh phúc to  **Chủ đề nghề nghiệp**  + Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bình)Đi Cấy (DC Thanh Hoá), Lý chiều chiều (DC Nam bộ), Xe chỉ luồn kim (DCQHBN), Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý)  **Chủ đề: động vật**  + Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn), Bắc kim thang (DCNB).Con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên), Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai), cò lả(DCNB) thật là hay...  **Chủ đề: thực vật: Bé vui đón tết - ngày 8/3**  + Lý cây xanh (DCNB) Màu hoa (Hồng Đăng) , Mùa xuân ơi ( Nguyễn Ngọc Thiện), Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục), Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến),Hoa trong vườn, màu hoa; Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên),lý cây bông (DCnam bộ): - Quà mừng 8/3 – Ngày vui 8/3  Quà tám tháng 3  **Chủ đề: giao thông:**  + Anh phi công ơi(Xuân Giao), Đèn xanh đèn đỏ, Em đi qua ngã tư đường phố(Lương Vĩnh), Bạn có biết...  **Chủ đề: nước và HTTN:**  + Mưa rơi( Dân ca xá), Nắng sớm( Hàn Bích Ngọc), Trời nắng trời mưa( Đặng nhất Mai)  **Chủ đề: quê hương ĐN Bác Hồ**  + Mưa rơi, Em đi trong tươi xanh, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng.  Em mơ gặp Bác Hồ”; Xuân Giao  Từ đồng xanh cháu về thăm lăng Bác |
| 65. Trẻ biết bộc lộ sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẽ đẹp nổi | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vé đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| 66.Trẻ hát tự nhiên hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | - Hát đúng giai điệu lời ca bài hát.  **Chủ đề: trường mầm non Trung thu**:  - Trường chúng cháu là trường mầm non(pt)  - Cháu đi mẫu giáo (Phạm MinhTuân)  - Ngày vui của bé (Hoàng văn Yến)  - Cô và mẹ (Phạm Tuyên),  - Vui đến trường (Hồ Bắc),  - Bé và trăng (Hoàng văn Yến)  - Chiếc đèn ông sao)  - Đêm trung thu (Phùng Như Thạch)  - Gác trăng (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: bản thân:**  - Cái mũi, Mừng sinh nhật, rửa mặt như mèo  - Hãy xoay nào (Hàn Quốc),  - Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo)  - Đội kèn tí hon (Phan Huỳnh Điểu)  - Đường và chân  - Tóm được rồi ( )  - Em bé tập nói ( Hoàng Long)  **Chủ đề gia đình**:  Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), bé quét nhà (Hà Đức hơu  - Cả nhà thương nhau  - Nhà của tôi (Thu Hiền)  - Cháu yêu bà (Xuân Giao)  - Chiếc khăn tay (Văn Tấn),  - Tình thương bà cháu,  - Bé quét nhà (Hà Đức hơu  **Chủ đề: nghề nghiệp**  + Hát: Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)  - Cháu yêu cô thợ dệt, lớn lên cháu lái máy cày, em tập lái ô tô.), Làm chú bộ đội (Hoàng Long)  **Chủ đề: động vật**  + Đàn vịt con (Mộng Lân),Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh), Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu), Con gà trống (Hà Hải) , Voi làm xiếc (Phan Hiền),Cá vàng bơi (Tân Huyền), đàn gà con thật là hay (Hoàng Lân)  **Chủ đề: thực vật:bé vui đón tết. Ngày 8/3**  + Lá xanh (Thái Cơ) , Hoa trường em (Dương Hưng Bang) Quả (Xanh xanh), Cây bắp cải (Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Mùa xuân (Hoàng Văn Yến), Bắp cải xanh, Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến) Quà 8/3 (Hoàng Long)  **Chủ đề: Phương Tiện giao thông:**  **+** Em tập lái ô tô( Nguyễn Văn Tý), Em đi chơi thuyền(Trần Kiết Tường) đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân), Đường em đi (Ngô Quốc Tính, lời Tường Vân). quà mồng 8 tháng 3 (Hoàng Long) bác đưa thư vui tính  **Chủ đề: nước và Hiện Tượng Tự Nhiên:**  +Mùa hè đến( Hàn Bích Ngọc), Cự ho tôi đi làm mưa với ( Hoàng Hà), Mây và gió, Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai)  **Chủ đề: quê hương ĐN Bác Hồ**  + Cho tôi đi làm mưa với, Mùa hè đến, Nhớ ơn Bác... |
| 67.Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát bản nhạc, vổ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa. | - Nghe các bài hát, bản nhạc( nhạc thiếu nhi, dân ca).  - Hát đúng giai điệu lời ca bài hát.  **Chủ đề: trường mầm non – Trung thu**:  - Trường chúng cháu là trường mầm non(pt)  - Cháu đi mẫu giáo (Phạm MinhTuân)  - Ngày vui của bé (Hoàng văn Yến)  - Cô và mẹ (Phạm Tuyên),  - Vui đến trường (Hồ Bắc),  - Bé và trăng (Hoàng văn Yến)  - Chiếc đèn ông sao)  - Đêm trung thu (Phùng Như Thạch)  - Gác trăng (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: bản thân:**  - Cái mũi, Mừng sinh nhật, rửa mặt như mèo  - Hãy xoay nào (Hàn Quốc),  - Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo)  - Đội kèn tí hon (Phan Huỳnh Điểu)  - Đường và chân  - Tóm được rồi  - Em bé tập nói ( Hoàng Long)  **+ Chủ đề gia đình**:  + Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), bé quét nhà (Hà Đức hơu  - Cả nhà thương nhau- Nhà của tôi (Thu Hiền)  - Cháu yêu bà (Xuân Giao)  - Chiếc khăn tay (Văn Tấn),  - Tình thương bà cháu,  - Bé quét nhà (Hà Đức hơu  **Chủ đề nghề nghiệp**  + Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)  - Cháu yêu cô thợ dệt, lớn lên cháu lái máy cày, em tập lái ô tô. ),Làm chú bộ đội (Hoàng Long)  **Chủ đề: động vật**  + Đàn vịt con (Mộng Lân),Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh), Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu), Con gà trống (Hà Hải) , Voi làm xiếc (Phan Hiền),Cá vàng bơi (Tân Huyền), đàn gà con thật là hay (Hoàng Lân)  **Chủ đề: thực vật – Bé vui đón tết. Ngày 8/3**  + Lá xanh (Thái Cơ) , Hoa trường em (Dương Hưng Bang) Quả (Xanh xanh), Cây bắp cải (Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Mùa xuân (Hoàng Văn Yến), Bắp cải xanh, (Hoàng Văn Yến) (Hoàng Long)  Quà tám tháng 3: con yêu mẹ: nhật ký của mẹ  **Chủ đề pt và quy định PTGT:**  **+**  Em tập lái ô tô( Nguyễn Văn Tý), Em đi chơi thuyền(Trần Kiết Tường) đoàn tàu nhỏ xíu( Mộng Lân), Đường em đi (Ngô Quốc Tính, lời Tường Vân). bác đưa thư vui tính  **Chủ đề nước và HTTN:**  +Mùa hề đến( Hàn Bích Ngọc), Cho tôi đi làm mưa với ( Hoàng hà), Mây và gió, Trời nắng trời mưa(Đặng Nhất Mai)  **Chủ đề quê hương ĐN Bác Hồ**  + Cho tôi đi làm mưa với, Mùa hè đến, Nhớ ơn Bác... |
| 68. Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. | Làm tranh , ĐDĐC sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề.  - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên( Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu( Len, ống nút..) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô.  - Dán hoa tặng cô 20/11  - Làm quà tặng chú bộ đội  + Làm quà tặng mẹ  + Làm cái nơ  + Làm cánh buồm  + Trang trí chiếc phao  + Trang trí khăn mùi soa  + Trang trí khay đựng màu vẽ |
| 69. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tô màu tạo thành bức tranh đơn giản.Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. | - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, tô màuđể tạo ra sản phẩm đơn giản.  + Vẽ: Tô màu đu quay; Tô màu chùm bãng bay; +Tô màu chiếc đèn lồng  + Tô màu mũ bé trai, mũ bé gái  + Vẽ- tô màu: Tô màu bức tranh gia đình;  +Tô màu ngôi nhà;  +Tô màu một số sản phẩm nghề nông,  +Vẽ tô màu bình hoa; Vẽ những cuộn len màu; vẽ tô màu cây ăn quả;  +Vẽ, tô màu quả cà chua, quả bí xanh;  + Vẽ những bông hoa bằng vân tay;  + Vẽ tô màu con gà con  + Vẽ, tô màu: Tô màu con hươu cao cổ;  + Tạo hình con bướm bằng vân tay( con cá, con gà, con vịt..)  + Vẽ. tô màu ô tô; VÏ, tô màu xe máy  + Vẽ mưa, vẻ cây, vẽ cỏ  + Tô màu khinh khí cầu  + Vẽ tô màu ô tô  +Vẽ tô màu xe máy  + vẽ mưa, cây, cỏ  + Vẽ, tô màu dây cờ  +Vẽ, tô màu; Tô màu lăng Bác; Tô màu bức tranh về quê hương;vẽ đường đi; vẽ theo ý thích, Tô màu tranh vịnh hạ long. |
| 70. Trẻ biết cách xé, cắt dán theo giải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. | + Xé dán  + Xé dán cây xanh, xé dán hoa tặng mẹ  + Xé dán quả  + Xé dán con sứa  +Cắt, dán con cá  + Cắt dán cái thang+ Dán cái cốc  + Cắt dán bập bênh+ Xé dán tán lá cây  + Xé dán quả chuối  + XÐ, dán tia nắng mặt trời  + XÐ, dán đuôi diều,  + Xé dán chiếc ô che mưa, xé dán bánh chưng  + Xé dán hoa trang trí lớp nhân ngày sinh nhật Bác |
| 71. Trẻ biết sử dụng kỷ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình. | + Nặn bánh hình tròn, hình dài  +Nặn quả bé thích  + Nặn cái bát  + Năn quả ngày tết, nặn chùm quả  + Nặn củ cà rốt  + Nặn quả bóng |
| 72. Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | - Xếp nhà, xếp ghế, cầu, đường đi, hình người. Xếp ô tô... |
| 73. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo ý trẻ thích. |
| 74. Trẻ biết tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Giữ dìn sản phẩm của mình của bạn  - Vẽ, nặn, xếp, làm theo ý thích |
| 75. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình | - Đặt tên cho sản phẩm của mình |

**KẾ HOẠCH**

**HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 4 -5 TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **I.LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| **Phát triển vận động:** |  |
| 1.Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thểdục theo hiệu lệnh. | - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp  - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:   + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, nắm mở bàn tay).  + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).  - Lưng, bụng, lườn:    + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:     + Nhún chân.  + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.  - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp: tay, lưng, bụng, lườn, chân. |
| 2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.  . | - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên  - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.  + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát  + đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  + Đi theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. |
| 3. Trẻ biết kiểm soát được vận động chạy.thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu | - Chạy thay đổi tốc độ, đổi hướng vận động đúng tín hiệu/ hiệu lệnh vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc)  - Chạy chậm 60 – 80 m  - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. |
| 4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:Tung, ném, bắt. Chuyền. | Tung bắt bóng với người đối diện (cô / bạn): Bắt được 3 lần liền không rơi bóng( khoản cách 3m)  + Ném trúng đích đứng ( xa 1,5 x cao 1,2m)  + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liền  +Tung bóng lên cao và bắt bóng  +Tung bóng, bắt bóng với người đối diện.  + Đập và bắt bóng tại chỗ  + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay.  + Ném trúng đích ngang (xa 2m)  + Ném trúng đích nằm ngang( xa 2m)  + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. |
| 5.Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò, trườn, trèo*,* bật nhảy | - Bò trong đường dích dắc ( 3-4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4 m  + Bò dích dắc qua 5 điểm  + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 m x 0,6m.  + Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm  + Trèo lên xuống 5 gióng thang.  + Trườn theo hướng thẳng  + Bật liên tục về phía trước.  + Bật xa 35- 40 m  + Bật nhảy từ trên cao xuống ( cao 30 - 35 cm)  - + Bật qua vật cản cao10 - 15cm.  t + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.  + + Nhảy lò cò  3m |
| 6. Trẻ thực được các vận động:  - Xoay tròn cổ tay  - Gập, đan ngón tay vào nhau | - Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẽ., véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối....  - Cuộn, xoáy tròn cổ tay  - Gấp mở các ngón tay  - Gập giấy. |
| 7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay,ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: | - Lắp ghép hình  - Xé, cắt đường thẳng- Tô, vẽ hình  - Lật , mở trang sách  - Vẽ hình người, nhà, cây  - Cắt thành thạo theo đường thẳng.  - Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối.  - Biết tết sợi đôi.  - Tự cài, cởi cúc, buộc giây giày. |
| ***Giáo dục Dinh d­ưỡng - sức khoẻ:*** | |
| 8. Trẻ khoẻ mạnh, cơ thể phát triển cân đối, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.  + Trẻ trai: Cân nặng đạt 14,4 – 23,5 kg.   Chiều cao đạt 100,7 – 119,1 cm.  + Trẻ gái: Cân nặng đạt 13,8 – 23,2 kg.   Chiều cao đạt 99,5 – 117,2 cm | - Trẻ ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.  - Biết tập thể dục để cơ thể khỏe mạnh phát triển cân đối  - Tháng 09 trẻ được cân và đo, tháng 12 cân, tháng 3 cân và đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng (ngày 15 của tháng)  - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống bệnh béo phì cho trẻ  - Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần. |
| 9*.*Trẻ biết một số TP cùng nhóm:  + Thịt, cá,...có nhiều chất đạm  + Rau, quả chín có nhiều VTM | - Nhận biết, phân biệt 4 nhóm thực phẩm thông thường ( Đặc điểm , lợi ích...)  - Lựa chọn được một số TP khi được gọi tên:  TP giàu chất đạm; Cá, thịt..  TP giàu chất bột đường; gạo, khoai,..  TP giàu chất VTM và MK:... hoa củ quả  -Dạy trẻ kỹ năng phân nhóm các loại thực phẩm |
| 10. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: | - Các bữa ăn trong ngày ích lợi của việc ăn uống đủ chất, đủ lượng,  - LQ với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống.  - Làm quen với các chế độ ăn cơm với nhiều loại thức ăn khác nhau, chế độ ăn uống trong trường MN. |
| 11. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất DD. | - Nhận biết ăn uống không đảm bảo VS ảnh hưởng đến SK và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…) |
| 12. Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở. | - Tự thay áo, quần khi bị ướt bẩn.  - Nhận biết đồ dùng vệ sinh cá nhân của bản thân và rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng đúng thao tác  - Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể đối với SK con người  - Dạy trẻ kỹ năng vệ sinh rửa tay, lau mặt |
| 13. Có nề nếp thói quen hành vi tốt trong việc bảo vệ sức khoẻ như­: Ăn ngủ, vui chơi, tự phục vụ, giữ gìn vệ sinh | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn SK  Nhận biết thời tiết trời lạnh, trời nắng,  - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết  - Ích lợi của đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày.  - Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.  - Để đồ dùng ăn uống nhẹ nhàng đúng nơi quy định,...)  - Không uống nước lã  - Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với SK con người  - Dạy trẻ kỹ năng mặc quần áo mùa hè, mùa đông |
| 14. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | - Tự xúc cơm ăn gọn gàng.  - Dạy trẻ kỹ năng cầm thìa, bát và phân loại ĐD sau khi ăn |
| 15. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: | - Hành vi văn minh: mời cô, mời bạn khi ăn , ăn từ tốn, nhai kỹ  - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau...  - Không uống nước lã.  - Dạy trẻ kỹ năng ăn mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ, không làm rơi vải cơm |
| 16. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: vệ sinh, đội mũ, đi dép, khi bị ốm… | - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi tời lạnh, đi dép,dày khi đi học.  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định.  - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.  - Bỏ rác đúng nơi qui định.  -Dạy trẻ kỹ năng biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc bị sốt... |
| 17. Trẻ nhận biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. | - Cách phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng  - Dạy trẻ kỹ năng biết đồ dùng không an toàn: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích |
| 18. Trẻ nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn.những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng | -Trẻ biết nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...  - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước |
| 19. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: | - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.  Không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ... không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.  - Dạy trẻ kỹ năng không theo, nhận quà người lạ |
| 20. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:  . | - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.  - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số đt người thân khi cần thiết  - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bắt cóc |
| **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| **Khám phá khoa học** | |
| 21. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tưởng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo. | .Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tưởng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.  - Quan sát so sánh phán đoán, mối liên hệ đơn giản giữa con vật,cây với môi trường sống.  - Trả lời các câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng “ Vì sao cây lại héo?” ; “Vì sao lá cây bị ướt?” “Vì sao có mưa?”, … |
| 22. Phối hợp các giác quan để xem xét SVHT như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | Trẻ biết phối hợp So sánh sự giống nhau và khác nhau như: nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng của 2-3 đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây, các đối tượng khác  - Đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non  - Đồ dùng để ăn – uống  - Nhu cầu đồ dùng trong sinh hoạt  - Con vật nuôi trong gia đình  - Con vật sống dưới n­­ước  - Con vật sống trên rừng  - Chim – Côn trùng  - Bé thích các loại hoa  - Một số rau - củ  - Bé thích các loại quả  - Bé thích các cây xanh  - Một số PTGT đường bộ- đường săt: Ô Tô ,xe máy, xe đạp, xe lu,tàu hỏa…  - Một số PTGT đường hàng không: Máy bay, kinh khí cầu….  - Một số PTGT đường thủy: Tàu thủy, thuyền buồm,ca nô…..  - Thực hành một số quy định giao thông đường bộ  - Bé biết gì về nước  - Mùa hè của bé  - Một số hiện tượng tự nhiên ( các mùa trong năm) |
| 23. Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán | - Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật, cây cối.  - Một số đặc điểm tính chất của nước.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.  - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây cối.  - Một vài đặc điểm, tính chất của đát, đá, cát, sỏi.  Trẻ được làm một số thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán:  đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.  - Gieo hạt sự nảy mầm….  - Pha màu nước.  - Vật chìm, vật nổi  - Nước bốc hơi.  - Sự kỳ diệu của nước  - Trứng chìm trứng nổi  - Chất tan và chất không tan |
| 24. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.   * Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người * Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.   - Các nguồn nước trong môi trường sống.  - Một số đặc điểm, tính chất của nước.  - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. |
| 25. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 - 2 dấu hiệu. | - Phân loại cây,hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu  Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. |
| 26. Trẻ nhận xét được mối số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gủi | * Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.   Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.  - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.   * Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. |
| 27. Trẻ biết sự dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. | -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.  -Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản  - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. |
| 28. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau,giống nhau của các đối tượng quan sát. | -So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.đồ dùng, đồ chơi đồ dung.  - Phân loại một số loại rau, hoa, loại quả theo 2 - 3 dấu hiệu  Sự khác nhau giữa ngày và đêm.  - Phân loại động vật sống trong rừng, gia đình, dưới nước...  Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu |
| 29. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình | Trẻ biết Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. |
| **Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán** | |
| 30. Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, | Đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”  Trẻ đếm số lượng, nhận biết chữ số đồ dùng, trong lớp, gia đình… |
| 31. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.  - Đếm trên đối tượng và theo khả năng   Đếm đúng trên đồ vật, đếm không lặp lại, không bỏ sót  + Ôn xếp tương ứng 1-1 các đối tượng, so sánh, nhận biết sự bằng nhau của 2 nhóm đồ vật:  + Dạy trẻ nhận biết số lượng 1 và 2, đếm đến 2, so sánh 1 và 2, nhận biết chữ số 1,2  + Số 3 (Tiết 1) :  + Số 4 (Tiết 1) :  + Số 5 (Tiết 1) : |
| 32. Trẻ so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ:” Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn” | So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ:” Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”  + Số 3 (Tiết 2)  + Số 4 (Tiết 2)  + Số 5 (Tiết 2) |
| 33.Có biểu tưởng về số trong phạm vi 5. Trẻ đếm được trên cùng đối tượng, so sánh, nhận biết, tách một nhóm đối tượng thành hai phần, gộp hai nhóm số lượng trong phạm vi 5 | \* - Tách,gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.  Đếm riêng số lượng từng nhóm và ghi kết quả từng nhóm, gộp nhóm mới được từ 2 nhóm  +Tách 1 nhóm có 2 đối tượng thành 2 nhóm. Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm  +Tách 1 nhóm có 3 đối tượng thành 2 nhóm. Gộp 3 nhóm đối tượng và đếm  +Tách 1 nhóm có 4 đối tượng thành 2 nhóm. Gộp 4 nhóm đối tượng và đếm  +Tách 1 nhóm có 5 đối tượng thành 2 nhóm.Gộp 5 nhóm đối tượng và đếm |
| 34. Trẻ biết sử dụng được các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | - Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.  Thẻ chữ số và số lượng từ 1-5 gắn vào đối tượng |
| 35. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. | - Nhận biết ý nghĩa con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày( số nhà, biển số xe.. số điện thoại GĐ, số ĐT khẩn cấp như 113, 114,115...). |
| 36. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. | - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.  + Sắp xếp theo quy tắc xen kẻ 1- 1  + So sánh chiều cao của 2 đối tượng  + So sánh chiều cao của 3 đối tượng  + So sánh về chiều dài 2 đối tượng  + So sánh về chiều dài 3 đối tượng |
| 37. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo  - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. |
| 38. Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình( tròn và tam giác, vuông và hình chữ nhật...) | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông- hình tam giác, hình tròn- hình chữ nhật.  - Phân biệt hình tròn với hình vuông  - Phân biệt hình tam giác với hình chữ nhật |
| 39. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  - Xếp hình bằng hột hạt.  - Ghép hình bằng que.  - Tạo hình bằng giấy, lá cây |
| 40. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | - Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (trên dưới, phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái)  - Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước  phía sau,  Nhận biết tay phải- tay trái của bản thân  -Xác định vị trí đồ vật so với bản thân, so với bạn khác; phía phải, phía trái |
| 41. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều , tối  - Nhận biết ban ngày, ban đêm |
| **Khám phá xã hội** | |
| 42.Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, nói được họ tên và công việc của bố,mẹ, cô giáo. | Tên tuổi giới tính của bản thân. Trẻ nói tên bố mẹ, cô giáo  + Bé tự giới thiệu về mình  + Tôi cần gì lớn lên để khỏe mạnh  + Cơ thể của bé |
| 43. Trẻ nói được họ tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Họ tên,công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, Địa chỉ gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, |
| 44. Trẻ nói được địa chỉ, số điện thoại của gia đình. | Trẻ biết được địa chỉ ở thôn, xóm xã, phường, số điện thoại người thân của gia đình.  - Tổ ấm gia đình  - Ngôi nhà yêu thương  - Đồ dùng gia đình bé thích |
| 45.Trẻ nói được địa chỉ, trường lớp khi được hỏi, trò chuyện. | Trẻ biết được địa chỉ, Trường MN Diễn Thái – cụm 1, cụm 2.  - Bé vui đến trường |
| 46. Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trong trườngnhư: Hiệu trưởng – hiệu phó  Cô giáo dạy lớp MG – NT  Nhân viên kế toán – y tế  Nhân viên nuôi dưỡng – bảo vệ |
| 47. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.  - Lớp học của bé |
| 48.Trẻ nhận biết một số công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của một số nghề phổ biến và gần gũi. | Tìm hiểu tên gọi các nghề, người làm nghề tên gọi các đồ dùng, dụng cụ phương tiện lao động của các nghề khác nhau  - Cháu yêu cô chú công nhân  - Bé thích nghề sản xuất  - Bé thích làm tài xế  - Bé thích làm bác sỹ  - Cháu yêu chú bộ đội |
| 49. Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ, hội. | - Ngày hội đến trường của bé  - Ngày hội của cô 20/11  - Ngày vui 8/3  - Bé vui đón tết  - Bé vui tết trung thu  - Sinh nhật Bác Hồ |
| 50. Trẻ kể được tên và nêu một vài đặc điểm danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương. | Kể được tên và nói đặc điểm nổi bật của một số di tích danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, quê hương đất nước lớn ở trường, ở địa phương.  - Cờ tổ Quốc. Thủ đô Hà nộ, lăng Bác Hồ, Hồ Hoàn Kiếm, chùa một cột.)  - Đất nước Việt Nam  - Bác Hồ của em  Danh lam thắng cảnh đẹp ở địa phương mình  Nhà thờ Nguyễn Xuân Ôn –Nhà thờ Đinh Nhật Tân – Đền thiện |
| **III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| 51.Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp. | Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2-3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày. |
| 52. Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... | - Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/động vật… |
| 53. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.  - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.  - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “ cái gì?” “ Ở đâu?” “Khi nào?”  - Nói rõ câu hỏi khi trao đổi với cô, bạn để người nghe hiểu được |
| 54. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... | Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.  - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai ? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?  - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm |
| 55. Trẻ biết Sự dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khản định, câu phủ định. | - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khảng định, câu phụ định trong giao tiếp hàng ngày.  - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau |
| 56. Trẻ biết kể lại được việc theo trình tự. | - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. |
| 57. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao... | Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ... phù hợp với độ tuổi  **Chủ đề: Trường Mầm non – Trung thu**  - Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương)  - Cô giáo của con (Chu Huy )  - Trăng sáng (Nhược thủy)  - Tình bạn (Việt Quỳnh)  - Cô giáo của em(Chu Huy)  **Chủ đề: bản thân**  - Tâm sự về cái mũi (Lê Thị Hương sưu tầm)  - Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương)  - Phải là hai tay (Phạm Cúc)  - Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương) (Thơ truyện 3- 4 tuổi) - Lời chào (Phạm Cúc)  **Chủ đề: Gia đình**  - Lấy tăm cho bà (Định Hải)  - Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến)  - Thăm vhà bà (Như Mao)  - Đồng hồ quả lắc (Ngọc Minh sưu tầm)  - Cô giáo của con (Chu Huy)  \***Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Đi bừa (Hoàng Dân)  - Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thảo),  - Các cô thợ (Thu Ngọc)  - Em làm thợ xây (Hoàng Dân)  - Ước mơ của bé (Lê Thị Hồng Mai)  - Làm nghề như bố (Thu Quỳnh)  - Làm bác sỹ (Lê Ngân)  - Chú giải phóng quân (Cẫm Thơ)  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân. Ngày vui 8/3**  + Hoa kết trái (Thu Hà)  + Hoa bướm (Nguyễn Đình Kiên)  - Bắp cải xanh (Phạm Hổ)  + Tết đang vào nhà  + Cây dây leo (Xuân Tiến)  + Cây đào (Nhược Thủy)  + Mưa xuân (Tú Mỡ)  + Rau ngót rau đay (Phạm Hổ)  + Ăn quả (Hồng Thu)  - Dán hoa tặng mẹ (Khải Minh)  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Đàn gà con , , Rong và cá , Chuồn chuồn( Phạm Hổ)  - Hổ trong vườn thú (Vũ Quang Vinh)  - Vè loài vật (Đinh Ngọc Nhường)  - Ong và bướm (Nhược Thủy)  - Mèo con (Phùng Phương Qúy)  - Chim chích bông (Nguyễn Viết Bình  **Chủ đề: Giao thông**  - Xe chưa cháy (Phạm Hổ)  - Chúng em chơi giao thông (Ngô Tố Ngải)  - Đèn giao thông (Mỹ Trang – Bình Định)  - Đoàn tàu lăn bánh (Tạ Hữu Yên)  - Giúp bà (Hoàng Thị Phỏng)  - Đàn kiến nó đi (Phạm Hổ)  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Cầu vồng (Nhược Thủy)  - Ông mặt trời óng ánh (Ngụ Thị Hiền)  - Mùa hạ tuyệt vời(Phạm Hưu Long)  - Mưa (Trần Đăng Khoa)  - Cầu vồng (Phạm Thanh Quang)  - Mưa làm nũng (Nguyễn Trong Hoàn)  **Chủ đề: Quê hương - Yêu dấu - Bác Hồ của em**  - Gió (Xuân Quỳnh)  - Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa)  - Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu)  - Ai dậy sớm (Võ Quảng)  - Bác Hồ của em , Em vẽ Bác Hồ ( Thi Ngọc) |
| 58. Trẻ chú ý nghe kể chuyện biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc. | Kể lại chuyện đã được nghe.  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  Trẻ tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ: Kể chuyện, đọc thơ, đóng kịch...  **Chủ đề: Trường Mầm non – Trung thu**  - Mèo con đến lớp(Phùng Kim Liên)  - Chú cuội cung trăng  - Món quà cô giáo (Phỏng theo truyện ngắn của Tú Anh)  **Chủ đề: Bản thân**  - Câu chuyện của tay trái và tay phải(Lý Thị Minh Hà)  - Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên)  - Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương,Lê Thị Đức)  **Chủ đề: Gia đình**  - Tích chu (Phan Thanh Vân)  - Hai anh em (Bội Ngọc)  - Cây khế (Kim Tuyến kể phỏng theo cổ tích VIệt Nam)  - Thỏ dọn nhà (Trần Xuân Du)  - Một bó hoa tươi thắm (hapdipic)  - Nhổ củ cải (Phỏng theo truyện kể của Thanh Nga)  - Cô bé quàng khăn đỏ (Thu Thủy)  - Ba chú lợn nhỏ (Tạ hửu Long)  - Món quà của cô giáo (Phỏng theo truyện ngắn của Tú Anh  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Bác sỹ Chim (Sưu tầm)  - Hai anh em (Phỏng theo truyện cổ tích Việt nam)  - Người làm vươn và các con trai (Thủy Toàn)  - Sự tích quả dưa hấu (Truyện cổ VN)  - Thần sắt (Truyện cổ DT Thái)  - Cây rau của thỏ út (Phong Thu)  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân.**  - Củ cải trắng (Vũ Thị Kim Oanh)  - Cây táo thần (Viết Linh)  - Niềm vui từ bát canh cải (Sưu tầm)  - Hạt đỗ sót (Nguyễn Thị Thu)  - Hoa dâm bụt (Xuân Quỳnh)  - Sự tích cây khoai lang  - Nhổ củ cải (Phỏng theo truyện kể của Thanh Nga)  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Dê con nhanh trí (Trần Thị Ngọc Trâm)  - Chú dê đen (Bài soạn mẫu giáo lớn- Nhà XBGD 1978)  - Rùa tìm nhà (Trần Xuân Du)  - Chuột gà trống và mèo (Thúy Toàn)  - Ngựa và lạc đà (Cao Thùy Dương)  - Cáo thỏ và gà trống, Ếch xanh và con cá (Nguyễn Minh Hồng)  **Chủ đề: Giao thông**  - Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến)  - Qua đường (Phỏng theo truyện ngắn của T.H)?  - Kiến con đi xe ô tô (Theo báo họa mi)  - Xe lu và xe ca (Phong Thu)  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh)  - Sơn Tinh Thủy Tinh(Theo thần thoại Việt Nam) - Cô mây (Nhược Thủy)  - Đám mây đen xấu xí (Nguyễn Văn Thắng)  - Sự tích ngày và đêm (Thu Thủy)  **Chủ đề:Quê hương- Yêu dấu - Bác Hồ của em**  -Khen các cháu (Đào Đức – Liên Sơn)  - Sự tích Hồ Gươm(Phỏng theo truyền thuyết - Sự tích Hồ Gươm)  - Chuyện ông Gióng (Phỏng theo truyện cổ tích Việt nam)  - Quả táo Bác Hồ (Phỏng theo truyện “Quả táo bác Hồ |
| 59. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | - Trẻ bắt chước giọng nói nhân vật trong truyện lời đối thoại - Đóng kịch |
| 60. Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. “ Mời cô”; “ Mời bạn”; “ Cám ơn”; “ Xin lỗi”… trong giao tiếp  Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp |
| 61. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhỡ. | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  - Bắt chước giọng nói, điệu bộ trong truyện  - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. |
| 62. Trẻ biết chọn sách để xem mô tả hành động của các nhân vật trong tranh | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau  - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh khi xem |
| 63. Trẻ biết cách cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “ Đọc” sách theo tranh minh họa.( đọc vẹt) | - Làm quen với cách sở dụng sách, cách đọc sách.  + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.  - “ Đọc “ Truyện qua sách / tranh vẽ  - Tập tô, đồ các nét chữ.  - Giữ gìn, bảo vệ sách. |
| 64. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm... | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, giao thông: đường dành cho người đi bộ...) |
| 65.Trẻ sự dụng kí hiệu để “viết”:tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng... | - Làm quen với cách viết tiếng việt ( hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới)  - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái.trẻ tập tô đồ để làm thiệp, tranh ảnh.. |
| **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỶ NĂNG XẪ HỘI.** | |
| 66. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ | - Nhận thức được về bản thân và một số người thân ( tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ) |
| 67. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Bé thích đi học,thích học hát vẽ, thích tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý tưởng , sở thích riêng của bản thân và của nhóm |
| 68. Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao( trực nhật, dọn đồ chơi) | - Trẻ cố gắng thực hiện công  việc được người lớn giao như: xếp bàn ghế, cất dọn đồ dùng, đồ chơi....  Dạy trẻ kỹ năng lao động, lau chùi đồ dùng, ĐC |
| 69. Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh |
| 70. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | - Trẻ biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.  Dạy trẻ kỹ năng biết giúp đỡ mọi người |
| 71.Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Biết thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ | - Biết kính yêu bác Hồ  - Thuộc một số bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác và thể hiện tình cảm đối với Bác qua hát, đọc thơ, kể chuyện. |
| 72. Trẻ biết quan tâm đến di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | - Quan tâm đến các di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương nghệ An quảng trường bác Hồ - quê nội quê ngoại( lễ đền cuông…), biển diễn Thành…, đất nước Việt nam |
| 73. Trẻ biết thực hiện được một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng: | Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn,  - Một số quy định ở lớp ( để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)  - Một số quy tắt trong gia đình( vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, chào hỏi trước khi đi và về….)  - Một số quy định nơi công cộng( đi nhẹ, nói khẽ, đi bên phải lề đường)  Dạy trẻ kỹ năng lấy cất ĐDĐC đúng quy định |
| 74. Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép | - Biết phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.  - Biết nhận ra lời nói, hành động sai của mình và nói lời xin lỗi.  - Biết nói lời cảm ơn khi được người lớn, bạn bè giúp đỡ, cho quà.... |
| 75. Trẻ hiểu chú ý nghe cô, bạn nói. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhỡ | - Trẻ tập trung chú ý lắng nghe khi cô giáo giảng bài, hướng dẫn trẻ chơi, trò chuyện với trẻ và khi bạn bè nói chuyện với mình.  - Biết kiên nhẫn chờ đợi để thực hiện công việc hay chơi đồ chơi khi chưa đến lượt mình.  - Biết chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ bạn cùng hợp tác thực hiện các bài tập, trò chơi và thể hiện các vai chơi. |
| 76. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung ( Chơi, trực nhật…) | – Biết hợp tác trao đổi với bạn trong nhóm, lớp để cùng nhau thực hiện các hoạt động (HĐ học, vui chơi, trực nhật, lao động…)  Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp chơi ở các góc |
| 77. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa | - Yêu thương chăm sóc con vật, cây cảnh  - Biết chăm sóc cây, tưới nước, bắt sâu… không bẻ cành, ngắt hoa  Dạy trẻ kỹ năng chăm sóc cây |
| 78. Trẻ biết giữ gìn bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, | - Có ý thức bảo vệ môi trường,giữ gìn đồ dung đồ chơi  Dạy trẻ kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định |
| 79. Biết tiết kiệm điện nước không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | – Có thói quen khi rửa tay vặn vòi nhỏ, không để nước tràn, tắt quát, điện khi đi ra khỏi phòng.  Dạy trẻ kỹ năng biết tiết kiệm điện nước |
| **V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | |
| 80. Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sự dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng xung quanh và tác phẩm nghệ thuật gần gũi. Trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật |
| 81. Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc, chú ý lắng nghe, nhận ra giai điệu quen thuộc, hát đúng, hát diễn cảm bài hát mà trẻ yêu thích. (NDCT) | Chú ý nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau( Nhạc Thiếu nhi, dân ca)  **Chủ đề: Trường MN – Trung thu.**  Nghe hát : Tìm bạn thân (Việt Anh), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Ngày đầu tiên đi học (Bùi Đình Thảo), Em Yêu trường em (Hoàng Vân), cô Giáo( Nguyễn mạnh Tường-Nguyễn Hữu Tưởng), bài ca đi học( Phan Trần Bảng)  **Chủ đề: Bản thân**  - Nghe hát : Thật đáng chê (Việt Anh), Hãy xoay nào (Hàn Quốc), Trống cơm (DCQHBN) ..một số làn điệu dân ca quen thuộc khác.  **Chủ đề: Gia đình**  - Nghe hát : Ru con (DC Nam bộ), Tổ ấm gia đình(Hoàng Vân),Con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Cho con (Phạm Trọng Cầu) Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo) , bố là tất cả (Thập nhất) , chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), ru em (dân ca xê đăng) một số làn điệu dân ca quen thuộc)  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  + Nghe hát : Hạt gạo làng ta (Trần Viết Bình), Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh), Đi Cấy (DC Thanh Hoá), Lý chiều chiều (DC Nam bộ) Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân) xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ bắc ninh)  **Chủ đề: Động vật**  - Thật đáng chê (Việt Anh) , Một con vịt (Kim Duyên) , Cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải) , Chú mèo con, Vì sao con mèo rửa mặt (Hoàng Long), Voi làm xiếc (Phan Hiền), ,Đố bạn ( Hồng Ngọc ), Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê), Vì sao chim hay hót (Hà Hải),..  Gà gáy le te (DC Cống khao), Tôm cá cua thi tài , Đố bạn (Hồng Ngọc),Con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Lý con sáo (DC Nam bộ), Gà trống m èo con v à cún con (Thế Vinh), ,Gửi anh một khúc dân ca (Dân Huyền), chị ong nâu và em bé (Tân Huyền)Lý con sáo sáng sông(DCNB)  **Chủ đề: Thực vật – Bé vui đón tết – Ngày vui 8/3**  + Nghe hát :- Em yêu cây xanh(Hoàng Văn Yến), Hoa thơm bướm lượn (DCQHBN), Bầu và bí (Phạm tuyên), Chúc Xuân, Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục), Bông hoa mừng cô,(Trần Thị Duyên), Hò Ba lý ( DC Quảng Trị - Thừa Thiên Huế), Lý chiều chiều ( DCNB) ...  -Bông hoa mừng cô: Con yêu mẹ: nhật ký của mẹ  **Chủ đề: Phương tiện GT**  - Nghe hát : Em đi qua ngã tư đường phố, Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh), Anh phi công ơi (Xuân Giao)  **Chủ đề: Hiện tượng tự nhiên**  - Nghe hát : Mưa rơi (DC Xá), Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai), Bèo dạt mây trôi (DCQHBN), L ý cây bông (DCNB)...  **Chủ đề: Quê hương, đất nước- Bác Hồ**  - Nghe hát : Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Xòe hoa ( DC thái), em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh) Bác Hồ người cho em tất cả |
| 82. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình | Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. về màu sắc, hình dáng… của các tác phẩm tạo hình. |
| 83. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.  **Chủ đề: trường mầm non:**  + Bé và trăng (Bùi Anh Tôn), Vui đến trường (Hồ Bắc) , Gác trăng + ngày vui của bé ( Hoàng văn Yến), Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên),Mầm non ngày hội, Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên) Đêm trung thu( Phùng Như Thạch) Cô giáo; Tác giả;Thơ Đỗ Mạnh Thường ; Lời “Nguyễn Hửu Tường,  **Chủ đề: Bản thân**  + Bạn có biết tên tôi + Cái mũi + Bạn ở đâu? (Lê Đức – Thu Hiền), Mời bạn ăn (Trần Ngọc),Tập rửa mặt (Hồng Đăng), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), tập đếm (Hoàng Sửu)Đường và chân( Xuân tửu)  **Chủ đề: Gia đình**  - Nhà của tôi (Thu Hiền) , Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ), Cháu yêu bà ( Xuân Giao), mẹ đi vắng,( Trịnh Công Sơn) múa cho mẹ xem (Xuân Giao)  **Chủ đề: Thực vật – tết mùa xuân. Ngày 8/3**  Lá xanh (Thái Cơ), Màu hoa (Hồng Đăng), Quả gì?((Xanh Xanh),  Cây bắp cải ( Thu Hồng - Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Cùng múa hát mừng xuân (Hoàng Hà), Mùa xuân (Hoàng văn Yến),Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến) Quà 8/3 (Hoàng Long)  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày, Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường) chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân), chú bộ đội (Hoàng hà, Bác đưa thư vui tính,) cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: Phương tiện giao thông- 8/3**  Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường), Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý), Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân)Đường em đi (Nguyễn Thị Thanh)Bạn ơi có biết không... bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên) Quà 8/3  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  Mây và gió (Minh Quân), Mùa hề đến , Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà) đếm sao (Văn chung, em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo)  **Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác Hồ**  +Quê hương tươi đẹp, Nhớ ơn Bác, Em mơ gặp Bác Hồ,em yêu thủ đô (Bảo Trọng) |
| 84.Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức ( vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa) | Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức ( vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)  **Chủ đề: trường mầm non – Trung thu**  - Bé và trăng (Bùi Anh Tôn), Vui đến trường (Hồ Bắc) ,Gác trăng+ ngày vui của bé ( Hoàng văn Yến), Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên), MÇm non ngµy héi, Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên) Đêm trung thu( Phùng Như Thạch) Cô giáo; Tác giả;Thơ Đỗ Mạnh Thường ; Lời “Nguyễn Hửu Tường,  **Chủ đề: Bản thân**  +Bạn có biết tên tôi + Cái mũi + Bạn ở đâu? (Lê Đức – Thu Hiền), Mời bạn ăn (Trần Ngọc),Tập rửa mặt (Hồng Đăng), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), tập đếm (Hoàng Sửu)Đường và chân( Xuân tửu)  **Chủ đề: Gia đình**  - Nhà của tôi (Thu Hiền) , Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ),Cháu yêu bà ( Xuân Giao), mẹ đi vắng,( Trịnh Công Sơn) múa cho mẹ xem (Xuân Giao)  **Chủ đề: Thực vật – Tết mùa xuân – Ngày vui 8/3**  Lá xanh (Thái Cơ), Màu hoa (Hồng Đăng), Quả gì?((Xanh Xanh),  Cây bắp cải ( Thu Hồng - Phạm Hổ), Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), Cùng múa hát mừng xuân (Hoàng Hà), Mùa xuân (Hoàng văn Yến),Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến) Quà 8/3 (Hoàng Long)  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Cháu yêu cô chú công nhân(Hoàng Văn Yến), - Lớn lên cháu lái máy cày, Cô giáo (Đỗ Mạnh Thường) chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân), chú bộ đội (Hoàng hà, Bác đưa thư vui tính,) cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: Phương tiện giao thông**  Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường), Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý), Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân) Đường em đi (Nguyễn Thị Thanh)Bạn ơi có biết không...  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  Mây và gió (Minh Quân), Mùa hề đến , Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà) đếm sao (Văn chung, em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo)  **Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác Hồ**  + Quê hương tươi đẹp, Nhớ ơn Bác, Em mơ gặp Bác Hồ,em yêu thủ đô (Bảo Trọng) |
| 85. Trẻ biết phối hợp các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng | - Tìm kiếm, lựa chọn Phối hợp các nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích  + Làm khung ảnh gia đình, gấp và cắt dán phong bì.  + Làm con vật từ các loại quả, cây  + Làm hình người từ đá cuội (bản thân, gia đình)  + Làm con vật từ các loại hoa, quả  + Làm các loại quả, cây  + Làm quà tặng chú bộ đội, tặng cô giáo.  + Làm các PTGT từ các nguyên liệu  + Làm các đồ dùng ngành nghề  +Trang trí dây hoa mừng ngày 30/4-1/5 bằng dấu vân tay:  +Trang trí khung ảnh Bác Hồ: vẽ theo ý thích |
| 86. trẻ biết vẽ, tô màu, trang trí phối hợp các nét thẳng, nét xiên, nét ngang, đường cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng | - Sử dụng các kỹ năng vẽ, tô để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.  - Vẽ tô màu hoa trong tr­êng mÇm non;  -Tô màu cô giáo và các bạn;  Vẽ tô màu ®å ch¬i trong lớp học  - Trang trí áo bé trai,váy bé gái  - Tô màu vòng đeo cổ  -Vẽ người thân trong gia đình,VÏ ngôi nhà  -Tô màu ng«i nhµ cña bÐ;  - Vẽ đồ dùng của nghề XD  - Vẽ đồ dùng nghề sản xuất  - Vẽ trang trí bưu thiếp 20/11  - Vẽ tô màu trang bác sỹ.  - Vẽ theo ý thích  -Vẽ,tô màu con mèo; Vẽ ,tô màu con bướm; Vẽ gà trống;- vẽ con vật sống dưới biển- Vẽ con bọ dừa  -Vẽ các loại quả ;Vẽ tô màu cây xanh; Vẽ tô màu rau củ quả, vẽ tô màu hoa mùa xuân  - Vẽ tô màu chú cảnh sát giao thông; Vẽ đoàn tàu,Vẽ máy bay; Vẽ, tô màu ô tô; Vẽ, tô màu tàu hỏa  Vẽ, Tô màu cảnh mùa hè;  VÏ chiếc ô; vẽ theo ý thích, vẽ mưa: Vẽ hồ nước, Vẽ những chiếc lá vàng.Vẽ đêm trăng |
| 87.Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | - Phối hợp các kỹ năng Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục  + Cắt dán hàng rào.  + Cắt dán khuôn mặt biểu lộ cảm xúc, Cắt dán đôi tất.  + Cắt dán ngôi nhà  + Xé dán bông hoa trang trí cửa sổ.  + Cắt dán cái thang cho chú công nhân,  + Cắt dán trang phục từ họa báo  + Dán chiếc xe đẩy của cô công nhân  + Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo  + Cắt dán con vật sống dưới nước;  + Xé dán con cá; Xé dán đàn gà con; Xé dán quả  + Cắt, dán hoa tặng mẹ  + Cắt dán tín hiệu giao thông; dán thuyền trên biển; Dán hình ô tô tải  + Xé dán máy bay trực thăng.  + Xé dán ông mặt trời và những đám mây.  + Xé dán lá rơi.  + Cắt dán lá cờ tổ quốc, Cắt dán hoa trang trí ảnh Bác |
| 88. Trẻ biết cách Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng | Trẻ biết cách Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết  + Nặn quả trung thu,  + Nặn đồ chơi tặng bạn  + Nặn đồ dùng trong gia đình;  + Nặn bát con, đũa  + Nặn củ cà rốt  + Nặn đĩa quả ngày tết;  + Nặn lọ hoa  + Nặn bánh xe |
| 89. Trẻ biết phối hợp các kỷ năng, xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau. | Biết phối hợp các kỷ năng, xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau  Xếp cầu trợt, bàn ghế, hình người, nhà, cầu cống… |
| 90. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động phù hợp với bài hát, bản nhạc | - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa)  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo tiết tấu chậm, nhịp. |
| 91. Trẻ biết cách Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát | Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp điệu bài hát. |
| 92. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình của bạn | Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động tạo hình  Nói lên ý tượng tạo hình của mình.  Đặt tên cho sản phẩm của mìn, của bạn theo ý thích của mình.  -Vẽ theo ý thích các chủ đề |

**KẾ HOẠCH**

**HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 5 - 6 TUỔI:**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | |
| ***a. Phát triển vận động:*** | |
| 1. Trẻ thực hiện đúng thuần thục các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác, nhịp  Thực hiện các nhóm cơ, hô hấp | - Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp  - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:   + Đưa 2 tay lên cao, ra phía  trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.  - Lưng, bụng, lườn:  + Ngửa người ra sau, kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  -  Chân:     + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau  + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau |
| 2. Trẻgiữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động; Đi  . | - Đi và chạy  - + Đi bằng mép ngoài bàn chân,  + Đi khuỵu gối  + Đi trên dây (dây đặt trên sàn),  + Đi trên ván kê dốc.  - + Đi nối bàn chân tiến lùi.  + Đi trên ghế TD đầu đội túi cát  + Đứng co 1 chân trong 10 giây |
| 3. Kiểm soát tốt vận động:  Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). | - Đi chạy thay đổi tốc độ hướng dích dắc theo hiệu lệnh  + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh.  + Đi dích dắc theo hiệu lệnh.  + Chạy dích dắc theo hiệu lệnh.  + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Chạy 18m trong khoảng 10 giây.  + Chạy chậm khoảng 100-120m |
| 4.Phối hợp tay mắt trong vận động: tung, ném, đi và đập, chuyền, bắt bóng. | Phối hợp tốt vận động tay- mắt trong chuyền/ tung/ đập/ ném - bắt bóng:  + Đi và đập bắt bóng  + Tung bóng lên cao và bắt bóng  + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2tay.  + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng 4 m).  + Đập bắt bóng tại chỗ .  + Ném xa bằng 1 tay.  + Ném xa bằng 2 tay.  + Ném trúng đích đứng, 1 tay. 2 tay  + Chuyền, bắt bóng qua đầu.  + Chuyền, bắt bóng qua chân. |
| 5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động và thực hiện bài tập tổng hợp. - Bò, trườn, trèo, bật nhảy | - Bò, trườn, trèo:  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.  + Bò dích dắc qua 7 điểm.  + +Bò chui  qua ống dài 1,5m  x  0,6m.  + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.  + Trèo lên, xuống 7 gióng thang.  - Bật - nhảy:  + Bật liên tục vào vòng.  + Bật  xa  40 - 50cm.  + Bật (nhảy) từ trên cao xuống (40 - 45cm).  + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.  + Bật qua vật cản cao 15 - 20cm.  + Nhảy lò cò  5m  - Bài tập tổng hợp:  + Bật liên tục vào vòng.- Ném xa bằng 1 tay - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.  + Bật tách chân, khép chân - Ném trúng đích đứng - Chạy nhanh 12m.  + Đi lên, xuống trên ván kê dốc - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. |
| 6. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (Chỉ số 14) | - Tham gia hoạt động tích cực học, chơi, lao động...  - Không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật... |
| **Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay – mắt** | |
| 7. Thực hiện các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập mở lần lượt từng ngón tay | - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  - Bẻ, nắn  - Lắp ráp  - Xé, cắt đường vòng cung  - Tô, đồ theo nét  - Lật , mở trang sách  Cài, cởi, kéo khóa, mặc áo, quần |
| 8. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay,ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: | - Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay  - mắt  và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số  - Vẽ hình người/nhà, cây. Cắt thành thạo theo đường thẳng. .  - Trẻ biết tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ  - Dán, chắp ghép các hình  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Xếp chồng  Xé, cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản  - Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối*.* Biết tết sợi đôi. Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây  - Dạy trẻ kỹ năng: Tự cài, cởi cúc, buộc giây giày, cài quai dép, kéo khóa. |
| **\*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:** | |
| 9.Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi (CT)  Trẻ trai: cân nặng từ 16,0 – 26,6kg; chiều cao từ 106,4 – 125,8cm Trẻ gái: cân nặng từ 15,0 – 26,2kg; chiều cao từ 104,8 – 124,5cm | Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối theo độ tuổi  - Tháng 09 trẻ được cân và đo, tháng 12 cân, tháng 3 cân và đo theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng (ngày 15 của tháng)  - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ  - Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần.  - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ  - Tập các bài tập thể dục thường xuyên  - Dạy trẻ kỹ năng luyện tập thể dục |
| 10. Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: | - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.   * Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... * Thực phẩm giàu chất béo dầu, lạc,mỡ động vật * Thực phẩm giàu chất bột:gạo, ngô, khoai sắn bột mỳ ...   Thực phẩm giàu vitamin muối khoáng; hoa, quả...  + Dạy trẻ kỹ năng phân loại thức ăn theo nhóm |
| 11. Phân loại những thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với SK | Trẻ biết phân loại thực phẩm theo nhóm. Dưới dạng sống – chín, dạng chế biến, quy trình chế biến  - Nhận biết thức ăn có mùi ôi: ăn lá, quả lạ, dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang  + Dạy trẻ kỹ năng ăn chín uống sôi |
| 12. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: | - Các bữa ăn trong ngày ích lợi của việc ăn uống đủ chất, đủ lượng,  - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống.  Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...  Dạy trẻ kỹ năng tổ chức tiệc bucffe |
| 13. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để tốt cho sức khỏe. | - Nhận biết ăn uống không đảm bảo VS ảnh hưởng đến SK và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…) khỏe mạnh thông minh và biết uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.  + Dạy trẻ kỹ năng ăn chín uống sôi không ăn quả xanh uống nước lã, thức ăn ôi thiu |
| 14. Trẻ biết thực hiện được một số công việc đơn giản. | Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt  - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng  - Nhận biết đồ dùng vệ sinh cá nhân của bản thân và thao tác rửa mặt, quy trình chải răng  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/ giật nước cho sạch.  Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định  + Dạy trẻ kỹ năng cởi áo, mặc quần (mùa đông hoặc mùa hè, hay xếp quần áo..) |
| 15. Trẻ biết sự dụng đồ dùng ăn uống thành thạo. | - Nhận biết, sử dụng đồ dùng để ăn, để uống thành thạo trong sinh hoạt hàng ngày  + Dạy trẻ kỹ năng chuẩn bị trước khi ăn, sau bữa ăn, |
| 16. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. | - Hành vi văn minh: mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ  - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau...  - Không đùa nghịch và làm đổ vãi thức ăn.  - Không uống nước lạ, ăn quà vặt ngoài đường.  *+* Dạy trẻ kỹ năng hành vi trong ăn uống |
| 17. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh; giữ gìn sức khỏe. | - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.  - Che miệng khi ho, hắt hơi.  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định.  - Vệ sinh răng miệng: Đánh răng......  - Ra nắng đội mũ, mặc áo ấm khi trời lạnh...  - Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài và những nơi công cộng.  + Dạy trẻ kỹ năng lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết |
| 18. Trẻ nhận biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. | Nhận ra và không chơi một số đồ chơi, đồ dùng có thể gây nguy hiểm  - Cách phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng. không nghịch các vật sắc nhọn  + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện, bếp, phích... |
| 19**.** Trẻ biết nhận ra những nơi nguy hiểm không được chơi gần. | Không chơi ở những nơi mất VS và nguy hiểm: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...  + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước |
| 20. Trẻ biết một số hành động nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: | - Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. Không ăn thức ăn có mùi ôi: không ăn lá, quả lạ... không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.  *+* Dạy trẻ kỹ năng không theo người lạ. không tự ý uống thuốc... |
| 21. Trẻ nhận ra một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:  . | - Nhận biết gọi người giúp đỡ những trường hợp khẩn cấp không an toàn đến tính mạng và gọi người giúp đỡ.  - Địa chỉ, nơi ở, số ĐT gia đình người thân  - Các SĐT khẩn cấp (113,114,115)  - Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép  - Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.  - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Dạy trẻ kỹ năng biết kêu cứu khi hỏa hoạn, cấp cứu. Đuối nước... |
| 22. Biết thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn: | Nhận biết đèn tín hiệu, biển báo GT, các quy định ATGT như: đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. Các biển báo nguy hiểm, các ký hiệu cảnh báo nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày.  Nhận ra nguy cơ không an toàn khi leo trèo cây, ban công, tường rào....  - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.  + Dạy trẻ kỹ năng quy định khi tham gia ATGT |
| **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | |
| 23**.** Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng | * Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.   Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.Tại sao có mưa?...  - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. |
| 24. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng, các phương tiện giao thông | - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.  - Đồ chơi, đồ dùng của lớp  - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.  - Cây xanh và môi trường sống  - Một số loài hoa.  - Một số loại quả.  ***-***Một số loại rau, củ.  - Một số con vật sống trong gia đình (gia súc- gia cầm)  - Một số con vật sống sống dưới nước  - Một số con vật sống trong rừng  - Một số loại chim – côn trùng  - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.  *-* Một số phương tiện và QĐGT đường bộ.ô tô, xe máy, xe đạp, xe xích lô Đưêng s¾t. Tàu hỏa...  - Một số phương tiện và QĐGT đường thủy. Tàu hỏa, tàu thủy, ca nô...  - Phư­­ơng tiện và quy định GTđư­ờng hàng không. Khinh khí cầu.  - Thực hành: Em đi qua ngã tư đường phố  - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi.  - Bé biết gì về nước  - Các hiện tượng tự nhiên  - Không khí, ánh sáng, đất đá, cát, sỏi |
| 25. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. | - Vật chìm vật nổi  - Trứng chìm trứng nổi  - Chất tan và chất không tan  - Sự kỳ diệu của nam châm  - Cầu vồng trong chai- Sự đổi màu của nước  - Sự thay đổi màu của nước  - Lốc xoáy mini- Khám phá về giấy  - Các nguồn nước trong môi trường sống  - Bé biết gì về nước?... |
| 26. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | - Nêu được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận |
| 27. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. | -Đồ dùng, đồ chơi của lớp  **-** Đồ dùng gia đình  - Phân loại một số loại rau, hoa, loại quả theo 2 - 3 dấu hiệu.  - Phân loại động vật sống trong rừng, gia đình, dưới nước...  - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. |
| 28. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (Chỉ số 114) | - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.  - Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì..nên...” |
| 29. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. | - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.  - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. Cây sống nhờ có đất, tưới nước...  Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. |
| 30. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. | - Tự nghĩ ra các cách khác nhau để giải quyết vấn đề đơn giản. |
| 31. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống,  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau phương tiện giao thông  - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. |
| 32. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... | - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện…; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật.  -Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất.biểu tượng..  - Vẽ, xé, dán, nặn ... các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất.. |
| **B, Biểu tượng sơ đẳng về toán; Số lượng:** | |
| 33. Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh | - Tham gia các hoạt động trong ngày( Hoạt động góc, ngoài trời, học có chủ đích...) hỏi: “Bao nhiêu?”, “Đây là mấy?” |
| 34. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.  - Ôn số lượng trong phạm vi 5. Nhận biết chữ số 5  (Toán tiết 1)  -Trẻ biết đếm số 6, nhận biết các nhóm có 6 đối tượng và nhận biết chữ số 6.  -Trẻ biết đếm số 7, nhận biết các nhóm có 7 đối tượng và nhận biết chữ số 7.  -Trẻ biết đếm số 8, nhận biết các nhóm có 8 đối tượng và nhận biết chữ số 8.  -Trẻ biết đếm số 9, nhận biết các nhóm có 9 đối tượng và nhận biết chữ số 9.  -Trẻ biết đếm số 10, nhận biết các nhóm có 10 đối tượng và nhận biết chữ số 10 |
| 35. Trẻ so sánh số lượng của hai nhóm, ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau | - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ:” Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn”(toán tiết 2)  - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 6, tạo nhóm có số lượng 6.  - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 7, tạo nhóm có số lượng 7.  - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 8, tạo nhóm có số lượng 8  - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 9, tạo nhóm có số lượng 9.  - Trẻ nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10, tạo nhóm có số lượng 10 |
| 36.Gộp,Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm | - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm (toán tiết 3)  **-** Trẻ biết gộp/ tách 6 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm.  **-** Trẻ biết gộp/tách 7 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm.  **-** Trẻ biết gộp/tách 8 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm.  **-** Trẻ biết gộp/ tách 9 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm.  **-** Trẻ biết gộp/ tách 10 đối tượng thành 2 phần theo các cách chia khác nhau và đếm. |
| 37. Nhận biết các số từ 5 – 10. Qua tiếng việt và tiếng anh | - Nhận biết số từ 5- 10 sự dụng các số đó để chỉ số lượng và số thứ tự .  - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.  Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.  -Các chữ số bằng tiếng anh qua hình ảnh chữ viết trong đồ dùng đồ chơi |
| 38. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. | - Nhận biết ý nghĩa con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày( số nhà, biển số xe...) |
| 39. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. | Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. |
| 40. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. | - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. |
| 41. Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. | - Sắp xếp theo quy tắc của bé  - Tạo ra qui tắc sắp xếp.  - Sắp xếp các đối tượng nhất định từ cao -thấp: thấp – cao |
| 42. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh và nói kết qủa. | - Hiểu và biết cách đặt thước để đo, đong liên tiếp. Nói đúng kết quả đo :  - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.  - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.  - Dạy trẻ đong thể tích – dung tích của một vật  - Đong 1 đối tượng bằng nhiều đơn vị đong.  - Đong nhiều đối tượng khác nhau bằng 1 đơn vị đong (Hoặc: Đo dung tích các vật bằng một đơn vị đo) |
| **\* Hình dạng**:  43. Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật. | - Nhận biết gọi tên khối : khối vuông, khối chữ nhật, khối cầu, khối trụ và nhận dạng khối đó trong thực tế.  - Nhận biết gọi tên. Phân biệt khối vuông, khối chữ nhật.  - Nhận biết gọi tên. Phân biệt khối cầu, khối trụ  - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. |
| 44. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | - Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (trên dưới, phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái)  - Phân biệt phía phải, phía trái của bạn khác.  - Phân biệt phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của đối tượng có sự định hướng.  - Phân biệt phía phải- phía trái của đối tượng có sự định hướng. |
| 45. Trẻ biết gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm | - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.  - Nhận biết, phân biệt các thứ trong tuần.  - Nhận biết, phân biệt các mùa trong năm |
| 46. Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trê đồng hồ | - Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì.  - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ  (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..)   * Thời gian 1 ngày của bé |
| \* Khám phá xã hội: | |
| 47. Trẻ nói được họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Nhận biết về bản thân.( Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình)  - Bé tự giới thiệu về mình  - Cơ thể bé và bạn  - Bé cần gì lớn lên và khoẻ mạnh |
| 48. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính và công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Nhận biết về gia đình ( Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của Bố, Mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình Quy mô gia đình: GĐ nhỏ, GĐ lớn; Nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình...)  - Gia đình của bé  - Nhu cầu của gia đình |
| 49. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình minh . | - Địa chỉ gia đình.minh (số nhà,đường phố/ thôn, xóm, số điện thoại) khi được hỏi, trò chuyện.  - Ngôi nhà gia đình của bé. |
| 50. Trẻ nói được tên và địa chỉ và mô tả được một số đặc điểm nổi bật của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện. | Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường  - Trường mầm non Diễn Thái thân yêu  - Lớp học của bé |
| 51. Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | - Công việc của các cô, các bác trong trường. Cô Giáo làm gì? Dạy lớp gì:? Nhân viên y tế, kế toán, nuôi dưỡng, bảo vệ |
| 52. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên và một vài đặc điểm, sở thích của các bạn: đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. |
| 53. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương  + Nghề xây dựng  + Nghề sản xuất  + Nghề dịch vụ  + Bé yêu chú bộ đội  + Bé làm bác sỹ |
| 54. Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. | - Biết kể được tên một số lễ hội trong trường, địa phương  + Ngày hội đến trường của bé  + Bé vui tết trung thu  + Ngày hội của cô giáo 20/11  + Tết nguyên đán  + Ngày hội 8/3  + Ngày sinh Bác Hồ Kính yêu |
| 55. Trẻ kể được tên và nêu một vài đặc điểm đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước | - Nhận biết một số di tích, danh lam thắng cảnh, khu du lịch. Quê Bác, Bãi biển Cửa Lò, Quảng trường Hồ Chí Minh, Sông Lam, núi Quyết, Bãi biển Diễn Thành. Lễ hội đền cuông,di tích Nhà thờ Nguyễn Xuân Ôn –Nhà thờ Đinh Nhật Tân – Đền thiện..) và một vài nétvăn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…)  Bãi biển nổi tiếng ở Việt Nam Hoàng sa, Trường Sa.  - Quê hương – Đất nước  - Bác Hồ kính yêu  - Trường tiểu học Diễn Thái  Dạy trẻ kỷ năng làm quen môi trường, đồ dùng trường tiểu học |
| **III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | |
| \* Nghe hiểu lời nói:  56. Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các yêu cầu | - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. |
| 57. Hiểu nghĩa một số tự khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gủi | Hiểu nghĩa một số tự khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gủi  - Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/động vật… |
| 58. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. |
| 59.Trẻ kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được (CS70) | - Kể lại sự việc theo trình tự.  - Nghe hiểu nội dung tuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi  - Kể lại sự việc theo trình tự. |
| 60. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật , hoạt động, đặc điểm....phù hợp với ngữ cảnh. | - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. |
| 61. Sử dụng đa dạng các loại câu: Câu đơn, câu phức, câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, mệnh lệnh | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. |
| 62. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách trạng thái của nhân vật. | - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự  - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh…  - Kể lại sự việc theo trình tự  - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. |
| 63. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... | Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.  - Nghe hiểu nội dung bài thơ phù hợp với độ tuổi  **Chủ đề: Trường Mầm non – Trung thu**  - Gà học chữ(*Phạm Trung Hiếu)*  - Cô dạy *( Phạm Hổ)*  - Của chung *( Trần Duy Đức)*  - Em vẽ (*Hoàng Thanh Hà)*  - Nặn đồ chơi *( Nguyễn Ngọc Ký)*  - Thỏ con và mặt trăng *(Phạm Hổ)*  - Bập bênh (*Giáo viên Trường CĐSP Quảng Ninh)* - Tình bạn *(Trần Thị Hương)*  - Cô giáo của em(*Chu Huy)*  - Trăng ơi từ đâu đến (*Trần Đăng Khoa)*  **Chủ đề: bản thân**  - Lời bé *(Nguyễn Văn Bình)*  - Tay ngoan *(Võ Thị Như Chơn*  - Những con mắt *(Tường MN tuổi thơ – Hải châu – Đà Nẵng)*  - Chiếc bóng *(Phạm Thanh Quang)*  - Cái lưỡi *(Lê Thị Mỹ Phương) (Thơ truyện 3- 4 tuổi)*  -Tâm sự cái mũi ( *Lê Thu Hương)*  - Em vẽ *( Gia Lai)*- Bé ơi (*Phong Thu)*  - Giờ ăn ,giờ ngủ ( Lương Bình)  - Lời chào ( *Nguyễn Tiến Bình)*  **Chủ đề: Gia đình**  - Giữa vòng gió thơm (Nhà thơ Quang Huy)  - Làm Anh(Phan Thị Thanh Nhàn)  - Cháu yêu bà ( *Vũ Quang Vinh)*  - Mẹ của con *( Trần Quang Vịnh)*  - Chia bánh *( Trương Hữu Lợi)*  - Gió từ tay mẹ *( Vương Trọng)*  - Em yêu nhà em *( Đàm Thị Lam Luyến)*  - Bé chờ mong (*Hoàng Thi Minh Khanh)*  - Thương ông (*Tú mỡ)*  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Cô giáo của em (Chu Huy),  - Các cô thợ ( Lê Ngân)  -Bàn tay cô giáo(Chu Huy)  - Hạt gạo làng ta *(Nhà thơ: Thanh Hòa*)  - Bác nông dân *(Phương Hoa)*  - Ước mơ của Tý *(Lưu Ngọc Lễ)*  - Ước mơ của bé (*Lê Thị Hồng Mai)*  - Chiếc cầu mới (*Thái Hoàng Linh)*  - Cái bát xinh xinh *( Thanh Hòa)*  - Bé làm bao nhiêu nghề *( Yên Thao)*  - Bé xếp nhà *( Chu Huy)*  - Làm nghề như bố ( Thu Quỳnh)  - Làm bác sỹ (*Lê Ngân)*  - Chú bộ đội hành quân trong mưa (*Vũ Thùy Hương)*  -Nụ hồng của cô: ươm mầm: cô giáo của con: nụ hồng tặng cô: cô dạy. em yêu cô giáo  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân: ngày vui 8/3**  + Hoa kết trái ( Thu Hà)  + Hoa cúc vàng ( Nguyễn Văn Chương)  + Tết đang vào nhà  + Cây dây leo ( Xuân Tiến)  + Cây đào ( Nhược Thủy)  + Mùa xuân ( Dương Khâu Luông)  + Mưa xuân ( Tú Mỡ)  + Bắp cải xanh, Rau ngót rau đay ( Phạm Hổ)  + Ăn quả ( Hồng Thu)  +Dán hoa tặng mẹ: ngày 8/3 của bé  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Gà nở , Đàn gà con , Chú bò tìm bạn, Rong và cá , Chuồn chuồn( *Phạm Hổ)*  - Hổ trong vườn thú *(Vũ Quang Vinh)*  - Vè loài vật *(Đinh Ngọc Nhường)*  - Gà mẹ đếm con (*Nguyễn Duy Chế)*  - Con chim chiền chiện *(Huy Cận)*  - Nàng tiên ốc (*Phạm Thị Thanh Nhàn*)  - Mèo đi câu cá *(Thái Hoàng Linh)*  - Con ong chuyên cần (*Vũ Quang Vinh)*  - Kể cho bé nghe *( Trần Đăng Khoa)*  - Ong và bướm *( Nhược Thủy)*  - Bó hoa tặng cô *(Nhà thơ: Ngô Quân Miễn)*  **Chủ đề: Giao thông**  - Bé tập đi xe đạp *(Cao Thúy Hưng)*  - Chúng em chơi giao thông *(Ngô Tố Ngải)*  - Đèn đỏ giao thông (*Mỹ Trang – Bình Định)*  - Chú cảnh sát giao thông *( Sưu tầm)*  - Cô dạy con (*Bùi Thị Tình)*  - Giúp bà *(Hoàng Thị Phỏng)*  - Trên đường (*Hương Mai)*  - Bé và mẹ*.(Lương Thị Xiêm)*  - Đàn kiến nó đi ( Phạm Hổ)  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Cầu vồng (*Nhược Thủy)*  - Bình minh trong vườn *(Đỗ Ngọc Hương)*  - Trưa hè*(Trần Đăng Khoa)*  - Mưa *(Trần Đăng Khoa)*  - Cầu vồng ( Phạm Thanh Quang)  - Mưa rơi  **Chủ đề: Quê hương**  - Quê em *(Trần Đăng Khoa)*  - Em yêu Miền Nam *(Hoài Nam sưu tầm)*  - Ảnh Bác *( Trần Đăng Khoa)*  - Bé vào lớp 1(*Sưu tầm)*  - Thỏ con đi học  - Làng em buổi sáng ( Nguyễn Đức Hậu)  - Ao làng ( Nguyễn Thị Thanh)  - Bác Hồ của em , Em vẽ Bác Hồ ( Thi Ngọc)  - Ngỗng và vịt ( Phạm Hổ)  - O tròn như trứng vịt ( Nguyễn Duy Quế)  - Em vẽ ( Nguyễn Trọng Tuất) |
| 64. Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bới sự kiện ..... | Kể lại truyện ngắn qua tranh ảnh, trí nhớ, lời nói thể hiện các nhân vật theo trình tự nội dung câu chuyện  - Lời kể rõ ràng, thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ nét mặt |
| 65.Trẻ hiểu được nội dung câu chuyện, đóng được vai nhân vật trong truyện. | Trẻ tham gia có sáng tạo trong các hoạt động ngôn ngữ : Kể chuyện, đọc thơ, đóng kịch...  **Chủ đề: Trường Mầm non**  - Thỏ trắng biết lỗi (*Phùng Kim Liên)*  - Chú cuội cung trăng  - Gà tơ đi học *( Cẩm Linh)*  - Mèo con và quyển sách (*Trần Thị Thu*)  - Món quà cô giáo *(Phỏng theo truyện ngắn của Tú Anh)*  **Chủ đề: Bản thân**  - Câu chuyện của tay trái và tay phải*(Lý Thị Minh Hà)*  - Đôi tai xấu xí *(Báo Họa Mi)*  - Cháu nhớ bạn ấy (*Nguyễn Bích Ngọc*)  - Gấu con bị đau răng ( *Tạ Thị Liên)*  - Cậu bé mũi dài *( Lê Thu Hương,Lê Thị Đức)*  - Ai đáng khen nhiều hơn *( Phong Thu)*  **Chủ đề: Gia đình**  - Ba cô gái (Phan Thanh Vân)  - Hai anh em (Bội Ngọc)  - Cây khế (Kim Tuyến kể phỏng theo cổ tích VIệt Nam)  - Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu)  - Bàn tay có nụ hôn (Phỏng theo truyện kể của Thanh Nga)  - Cây gia đình của sóc nâu ( Sưu tầm - nước ngoài)  - Cô bé quàng khăn đỏ *( Thu Thủy)*  - Anh em nhà thỏ (*Hoàng Thi Minh Khanh)*  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Bác sỹ Chim *( Sưu tầm)*  - Hai anh em *(Phỏng theo truyện cổ tích Việt nam)*  - Cô bác sĩ tí hon  - Cây tre trăm đốt( *Thu Thủy kể - Phỏng theo truyện cổ tíchViệt Nam)*  - Món quà của cô giáo (Phỏng theo truyện ngắn của Tú Anh)  - Sự tích quả dưa hấu (*Truyện cổ VN)*  - Ba điều ước *( Truyện cổ tây nguyên)*  - Thần sắt *( Truyện cổ DT Thái)*  - Cây rau của thỏ út *( Phong Thu)*  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân**  - Cây tre trăm đốt, Quả bầu tiên,- Sự tích quả dưa hấu, Sự tích bánh chưng bánh giầy, (Truyện cổ tích VN)  - Chú đỗ con (Viết Linh)  - Sự tích cây hoa mào gà ( Thùy Dương)  - Sự tích hoa hồng ( Báo họa mi)  - Sự tích cây khoai lang  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Hươu con biết nhận lỗi (*Trần Thị Ngọc Trâm)*  - Chú dê đen (*Bài soạn mẫu giáo lớn- Nhà XBGD 1978)*  - Cá rô con lên bờ (  - Con gà trống kiêu căng *(Theo tài liệu của ban cải cách mẫu giáo – 1986)*  - Cá chép con  - Cá diếc con  - Cáo thỏ và gà trống, Ếch xanh và con cá *( Nguyễn Minh Hồng)*  **Chủ đề: Giao thông**  - Thỏ con đi học *(Đỗ Thị Ngọc Anh)*  - Một phen sợ hãi (*Phạm Minh Thư – Lai châu*)  - Những tấm biển biết nói *(Nguyễn Đức)*  - Vì sao thỏ cụt đuôi *(Phạm Hoàng Yến)*  - Qua đường *(Phỏng theo truyện ngắn của T.H)?*  - Kiến con đi xe ô tô *(Theo báo họa mi)*  - Xe lu và xe ca ( Phong Thu)  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Giọt nước tí xíu *(Nguyễn Linh)*  - Sơn Tinh Thủy Tinh *(Theo thần thoại Việt Nam)*  - Nàng tiên bóng đêm (*Vi Tiểu Thanh)*  - Sự tích ngày và đêm (*Thu Thủy)*  - Sự tích con Rồng cháu Tiên *(Võ Văn Trực)*  **Chủ đề: Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường Tiểu học**  - Sự tích Hồ Gươm(*Phỏng theo truyền thuyết - Sự tích Hồ Gươm)*  - Chuyện ông *Gióng (Phỏng theo truyện cổ tích Việt nam*)  - Niềm vui bất ngờ(*Theo“Bác Hồ Kính Yêu”, NXB Kim Đồng)*  - Quả táo Bác Hồ (*Phỏng theo truyện “Quả táo bác Hồ* |
| 66. Sử dụng các từ: phù hợp với tình huống. | Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng… |
| 67. Điều chỉnh được giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. | - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. |
| 68. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên,sợ hải. (CS 61) | Nhận ra cảm xúc vui buồn, âu yếm, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận của người khác.  - Thể hiện cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói |
| 69.Trẻ sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69) | - Trao đổi bằng lời nói, đề xuất trong các cuộc chơi.  - Hướng dẫn và giải quyết vấn đề  - Hợp tác với bạn trong quá trình chơi |
| **\* Làm quen với việc đọc – viết** | |
| 70. Chọn sách để đọc và xem | Xem và nghe các loại sách khác nhau |
| 71. Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bạn thân | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.  - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.  - Giữ gìn, bảo vệ sách. |
| 72. Trẻ biêt cách “đọc sách”Cầm sách đúng chiều, lật, giở từng trang từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. | - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới.  + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. |
| 73.Trẻ biết nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...,...) | Trẻ biết ý nghĩ và một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.  - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) |
| 74. Trẻ biết nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt (CS 91) | Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)  - Nhận dạng và nhận biết 29 chữ cái  + Làm quen chữ nhóm chữ o,ô,ơ: a, ă â: e, ê: u ư: i, t, c: b, d đ: m, n,l: h. k:q, p: g, y: v r: s, x  + Trò chơi các nhóm chữ cái o,ô,ơ a, ă â: e, ê: u ư: i, t, c: b, d đ: m, n, l: h. k:q, p: g, y: v r: s, x |
| 75. Trẻ biết tô đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | . Sao chép lại đúng tên của bản thân  - Nhận ra tên của mình, tên đồ dùng cá nhân theo tranh vẽ  - Sau khi vẽ tranh biết sao chép tên của mình |
| **IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM – KỶ NĂNG XÃ HỘI** | |
| \* Ý thức về bản thân  76. Trẻ nói được họ, tên tuổi, giới tính của bản thân,. | -Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.  -Nói được  điều bé thích, không thích., những việc bé làm được  và  việc gì  bé không làm được.  -Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới  tính, sở thích và khả năng).  -Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.  Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| 77. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé làm được và việc gì bé không làm được | - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.  - Điểm gì giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới  tính, sở thích và khả năng).  - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.  Thực hiện công việc được giao( Trực nhật, xếp dọn đồ chơi).  - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động |
| 78. Nhận biết sự khác biệt giữa người khác với mình về giới tính, hình dáng bên ngoài, sở thích, khả năng... | - Nhận biết sự khác biệt giữa người khác với mình về giới tính, hình dáng bên ngoài, sở thích, khả năng...  - Tôn trọng người khác, không giễu cợt hoặc xa lánh người bị khuyết tật |
| 79. Trẻ biết mình là con/ cháu/anh / chị/ em trong gia đình. | Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. |
| 80. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. | * Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.   + Dạy trẻ kỹ năng giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức (quét nhà, xếp quần áo, xếp đồ dùng đồ chơi, trải sạp, chiếu....),  + Trực nhật , xếp dọn đồ chơi. |
| 81.Trẻ biết làm một số công việc đơn giản hang ngày. | - Nhận biết nội dung công việc, ý nghĩa của công việc đối với cuộc sống của con người.  - Trực nhật, lao động tự phục vụ, tự làm một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày  + Dạy trẻ kỹ năng lấy cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định |
| 82. Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. | - Khả năng thể hiện cảm xúc vui, phấn khởi, thích thú, tự tin, tự hào…khi hoàn thành công việc được giao.  - Các hành vi, cử chỉ lịch sự tôn trọng người nghe khi giao tiếp, trao đổi ý kiến của bản thân với mọi người: chú ý, nhìn vào mắt người khác khi nói, |
| 83. Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc |
| 84. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. | Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.  + Dạy trẻ kỹ năng giao tiếp, hợp tác trong khi chơi |
| 85. Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ | - Kính yêu Bác Hồ. và một số địa điểm gắn với hoạt động của bác ( chỗ ở, nơi làm việc...) |
| 86. Biết thể hiện tình cảm đối với bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ | - Thuộc một số bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác và thể hiện tình cảm đối với Bác qua hát, đọc thơ, kể chuyện. |
| 87. Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và vài nét văn hóa truyền thống | - Quan tâm đến các di tích, lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương ,đất nước Việt nam  ( trang phục,món ăn) của quê hương, đất nước. |
| 88 Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng: | - Một số quy định ở lớp ( để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)  - Một số quy tắt trong gia đình( vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, chào hỏi trước khi đi và về….)  - Một số quy định nơi công cộng( đi nhẹ, nói khẽ, đi bên phải lề đường)  - Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |
| 89. Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép | - Biết phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.  - Biết nhận ra lời nói, hành động sai của mình và nói lời xin lỗi.  - Biết nói lời cảm ơn khi được người lớn, bạn bè giúp đỡ, cho quà....  + Dạy trẻ kỹ “bé đã biết lỗi” |
| 90. Trẻ hiểu chú ý nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. | - Trẻ tập trung chúy ý lắng nghe khi cô giáo giảng bài, hướng dẫn trẻ chơi, trò chuyện với trẻ và khi bạn bè nói chuyện với mình. |
| 91. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhỡ | - Biết kiên nhẫn chờ đợi để thực hiện công việc hay chơi đồ chơi khi chưa đến lượt mình. |
| 92. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. | – Biết hợp tác trao đổi với bạn trong nhóm, lớp để cùng nhau thực hiện các hoạt động (HĐ học, vui chơi, trực nhật, lao động…) |
| 93. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn | Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).  + Dạy trẻ kỹ năng xin lỗi, cảm ơn |
| 94. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. biết: bỏ rác đúng nơi quy định, | Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc  -Bỏ rác đúng nơi quy định.  - Nhận xét được một số hành vi đúng hay sai của con người đối với môi trường  + Dạy trẻ kỹ năng chăm sóc cây |
| 95. Trẻ biết nhắc nhỡ người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường | - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày ( không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) |
| 96. Trẻ biết tiết kiểm trong sinh hoạt | Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.  + Dạy trẻ kỹ năng biết tắt điện, nước... |
| **V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẪM MỸ** | |
| 97. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu . | Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.  sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. |
| 98. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) | * Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).   Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.  **Chủ đề: Trường Mầm non – Trung thu**  - Ngày đầu tiên đi học( Nguyễn Ngọc Thiện, Lời:Viễn Phương)  - Đi học(*Trích từ bài thơ “Hương cốm” của Minh Chính*)  - Bàn tay cô giáo*(Nhạc: Phạm Tuyên; Thơ: Đinh Hải)*  - Ánh trăng hòa bình(*Nhạc: Hồ Bắc; Lời: Mộng Lân*)  - Chiếc đèn ông sao (*Phạm Tuyên)*  **Chủ đề: Bản thân**  - Năm ngón tay ngoan *(Trần Văn Thu)*  - Em là bông hồng nhỏ *( Trịnh Công Sơn)*  - Nắm tay thân thiết *(Nhạc Hàn Quốc)*  - Xòe hoa *( Dân ca thái)*  - Thật đáng chê (*Dân ca nam bộ, Lời Việt Anh)*  - Con chim vµnh khuyªn ( Hoàng Vân)  **Chủ đề: Gia đình**  - Ông cháu *(Phong Nhã)*  - Ru con *( DCNB)*  - Ba ngọn nến lung linh *(Ngọc Lễ)*  - Tổ ấm gia đình (*Hoàng Vân)*  - Đưa cơm cho mẹ đi cày (*Hàn Ngọc Bích)*  - Chỉ có một trên đời (*Trương Quang Lục)*  - Cho con (*Phạm Trọng Cầu)*  *-* Khúc hát ru của người mẹ trẻ *( Phạm Tuyên)*  - Lời ru trên nương (Nhạc Trần Hoàn; Thơ: Nguyễn KhoaĐiềm)  - Bàn tay mẹ *(Nhạc: Bùi Đình Thảo; Lời thơ: Tạ Hữu Yên)*  - Đưa cơm cho mẹ đi cày (*Hàn Ngọc Bích)*  *-* Cu tý dễ thương  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Xe chỉ luồn kim *(Dân ca quan họ Bắc Ninh)*  - Ước mơ của bé *( Xuân Hoà)*  - Anh phi công ơi (*Nhạc: Xuân Giao, Thơ: Xuân Quỳnh)*  *- Bông hoa mừng cô*  - Hạt gạo làng ta *(Nhạc: Trần viết Bính; Lời: Trần Đăng Khoa*)  - Cô giáo ( Việt Anh)  - Em đi giữa biển vàng*( Bùi Đinhg Thảo)*  - Màu áo chú bộ đội (*Nguyễn Văn Tý)*  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân. Ngày vui 8/3**  - Lý chiều chiều*(Dân ca Nam bộ.)*  - Cây Trúc xinh *(Dân ca quan họ Bắc Ninh)*  - Hoa thơm bướm lượn *(Dân ca quan họ Bắc Ninh)*  - Hạt gạo làng ta (Nhạc: Trần Viết Bình; Lời: Trần Đăng Khoa)  - Hoa trong vườn *(Dân ca Thanh Hóa)*  - Mùa xuân ơi *(Nguyễn Ngọc Thiện)*  - Bầu và bí (*Phạm Tuyên)*  *-* Lý cây bông ( DCNB)  -Bông hoa mừng cô: Quà tám tháng 3: con yêu mẹ: nhật ký của mẹ  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Vườn cây của ba *(Phan Nhân)*  - Lý hoài Nam(*Dân ca Quảng trị - Thừa Thiên Huế);*  - Vật nuôi (*Nhạc Anh, Dịch: Đào Ngọc Dung)*  - Tôm cua cá đua tài ( *Hoàng Thị Dinh)*  - Bà còng (*Phạm Tuyên)*  - Chim bay *(Dân ca liên khu 5)*  - Con chim vành khuyên *(Hoàng Vân)*  - Đuổi chim *(Nhạc :Việt Anh, Lời: Nhược Thủy)*  - Chú ếch con *(Phan Nhân)*  - Chú voi con ở bản đôn *(Phạm Tuyên)*  - Gà gáy le te (Dân ca cống khao- Lai châu; Lời mới:Huy Trân)  **Chủ đề: Giao thông**  - Dân ca (tự chọn)  - Anh phi công ơi (*Nhạc: Xuân Giao; Thơ: Xuân Quỳnh*)  - Ngồi tựa mạn thuyền *(Dân ca quan họ Bắc Ninh)*  - Em đi qua ngã tư đường phố *(Phạm Tuyên)*  *-* Lá thuyền ước mơ  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Mưa rơi *(Dân ca xá)*  - Hạt nắng hạt mưa (*Lê Lâm)*  - Tia nắng hạt mưa (*Khánh Vinh)*  *-* Trời nắng trời mưa ( Đặng Nhất Mai)  - Reo vang bình minh *(Lưu Hữu Phước)*  - Dân ca tự chọn.  - Lá thuyền ước mơ  **Chủ đề: Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường Tiểu học**  - Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác  - Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh*( Phong Nhã)*  - Em yêu trường em*( Hoàng Vân)*  - Đi học( *Bùi Đình Thảo)*  - Bé đến trường*( Dân Ca)*  - Quê hương (*Nhạc: Giáp Văn Thạch; Lời thơ: Đỗ Trung Quân)*  - Em đi giữa biển vàng  - Việt nam quê hương tôi (*Đỗ Nhuận)*  - Quê hương tươi đẹp ( DC nùng) |
| 99. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. | - Quan sát tranh ảnh, vật thật về các sự vật.  - Trưng bày và nhận xét sản phẩm tạo hình. Nhận xét sản phẩm của mình của bạn...... |
| 100. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... | **-** Trẻ hát và vận động các hát,Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  **Chủ đề: Trường Mầm non – Trung thu**  - Ngày vui của bé *(Nhạc&LờiHoàng Văn Yến)*  - Chào ngày mới, ngày vui của bé *(Hoàng Văn Yến)*  - Những khúc nhạc hồng(*Trương Xuân Mẫn*)  - Rước đèn dưới trăng (*Phạm Tuyên)*  - Đêm Trung thu (*Phùng Như Thạch*)  - Trường chúng cháu là trường mầm non  *( Phạm Tuyên)*  - Bé và trăng *( Bùi Anh Tôn* )  - Gác trăng *( Hoàng Văn Yến)*  - Vườn trường mùa thu *( Cao Minh Khanh)*  **Chủ đề: bản thân**  - Mời bạn ăn *(Nhạc và lời: Trần Ngọc*)  - Khuôn mặt cười (*Nhạc Hàn Quốc)*  - Thật đáng yêu (*Nghiêm Bá Hồng*  - Cái mũi *(Lê Đức Thu Hiền)*  - Đố bạn biết tên tôi (*Lê Đức Thu Hiền*)  - Càng lớn càng ngoan (*Đức Bằng)*  - Đường và chân (*Nhạc: Hoàng Long; Lời: Xuân Tửu)*  - Gà gáy dậy bạn ơi *( Văn Dung)*  -Bé quét nhà *( Hà Đức Hậu)*  - Vì sao mèo rửa mặt ( Hoàng Long)  **Chủ đề: Gia đình**  - Ngôi nhà mới *(Nhạc và lời: Mộng lân)*  - Bà còng đi chợ *(Nhạc: Phạm Tuyên; Lời ca dao cổ*  - Tôi là cái ấm trà  - Cả nhà đều yêu *(Bùi Anh Tôn)*  - Bố là tất cả *(Nhạc và lời: Thập nhất)*  - Múa cho mẹ xem, Sau mưa (*Xuân Dao)*  - Nhà của tôi (*Thu Hiền)*  - Bàn tay mẹ (*Nhạc: Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yến*)  - Em là bông hồng nhỏ *( Trịnh Công Sơn)*  - Cả nhà thương nhau *( Phan Văn Minh)*  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Cháu yêu cô thợ dệt *(Nhạc và lời: Thu Hiền)*  - Ngày mùa vui ,Thật đáng chê  *( Việt Anh)*  - Cô giáo miềm xuôi *(Mộng lân)*  - Cô và mẹ *(Phạm Tuyên)*  - Bác đưa thư vui tính *(Hoàng Vân)*  - Cháu yêu cô chú công nhân *( Hoàng Văn Yến)*  - Lớn lên cháu lái máy cày *(Kim Hữu)*  - Chú bộ đội đi xa (*Hoàng Vân)*  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuân. Ngày vui 8/3**  - Em yêu cây xanh *(Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)* - Sắp đến tết rồi *(Hoàng Vân)*  - Mùa xuân *( Hoàng Văn Yến))*  - Mùa xuân đến rồi *( Phạm Thị Sửu)*  - Bắp cải xanh *(Phạm Hổ)*  - Lá xanh (*Thái Cơ)* - Quả *(TG: Xanh Xanh)*  - Em thêm 1 tuổi *( Trương Quang Lục)*  - Hoa kết trái *(Nhạc: Phạm Thị Sửu – Lời thơ: Hoàng Thị Lộc)*  - Màu hoa *(Hồng Đăng)*  - Hoa trường em ( Dương Huy Bang)  - Bông hoa mừng cô: Quà tám tháng 3: con yêu mẹ: nhật ký của mẹ  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Chú voi con ở Bản Đôn (*Nhạc & lời: Phạm tuyên)* - Cá vàng bơi *(Nguyễn Hải Hà)*  - Chú mèo con *(Nguyễn Đức Toàn)*  - Đàn Gà trong sân *(Bài hát thiếu nhi dân gian Pháp)*  - Chị ong nâu và em bé (*Tân Huyền)*  - Chim chích bông (*Nhạc: Văn Dung; Lời: theo thơ: Nguyễn Viết Bình)*  - Bài hát của chuồn chuồn *(Hoàng Lương)*  - Thương con mèo *(Mộng Lân)*  - Voi làm xiếc ( Phan Hiền)  - Bông hoa mừng cô *(Nhạc và lời: Trần Thị Duyên*  - Ngày vui 8/3 *(Cô giáo Hoàng Yến)*  - Quà 8/3 ( Hoàng Long)  **Chủ đề: Giao thông**  - Bác đưa thư vui tính *(Hoàng Lân)*  - Đường em đi (*Nhạc: Ngô Quốc Tính; Lời: Tường Vân)*  - Em đi qua ngã tư đường phố *(Hoàng văn Yến)*  - Em đi chơi thuyền *(Trần Khiết Tường)*  - Phao bơi *(Nguyễn Trọng Tạo)*  - Đèn đỏ đèn xanh (Nhạc Lương Vĩnh; Lời: dựa ý thơ Thế Hội)  - Em tập lái ô tô ( Nguyễn Văn Tý)  - Những con đường em yêu *(Hoàng Văn Yến)*  - Ba em là công nhân lái xe  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Cho tôi đi làm mưa với *(Nhạc và lời: Hoàng Hà)*  - Mùa hè đến *(Nguyễn Thị Nhung)*  - Ánh trăng hoà bình *(Hồ Bắc)*  - Nắng sớm *(Hàn Ngọc Bích)*  - Bé và trăng *(Bùi Anh Tôn)*  - Mây và gió (( Minh Quân)  **Chủ đề: Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- TTH**  - Em yêu thủ đô ( Yêu hà Nội) *(Bảo trọng)*  - Nhớ ơn Bác*( Phan Huỳnh Điểu)*  - Nhớ giọng hát Bác Hồ*( Nhạc Thanh Phúc, thơ: Tạ Hữu Yên)*  - Cháu vẫn nhớ trường Mầm non*( HoàngLân)*  - Tạm biệt búp bê *( Hoàng Thông)*  - Tre ngà bên lăng Bác  - Múa với bạn Tây nguyên*( Phạm Tuyên*)  - Quê hương tươi đẹp.  - Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ ( Xuân Giao) |
| 101**.** Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). | Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  **Vận động**  - Vận động theo nhịp - Vận động múa  + Vận động theo tiết tấu chậm,nhanh, tiết tấu phối hợp + Vận động theo nhịp: 2/4: 3/4  - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc  - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh,vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.  Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc( Một câu hoặc một đoạn)  - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhip, tiết tấu: Nhanh, chậm, phối hợp  **Chủ đề: Trường Mầm non**  - Ngày vui của bé (Nhạc &Lời Hoàng Văn Yến)  - Chào ngày mới, ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến)  - Những khúc nhạc hồng(Trương Xuân Mẫn)  - Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên)  - Đêm Trung thu (Phùng Như Thạch)  - Trường chúng cháu là trường mầm non  ( Phạm Tuyên)  - Bé và trăng ( Bùi Anh Tôn )  - Gác trăng ( Hoàng Văn Yến)  - Vườn trường mùa thu ( Cao Minh Khanh)  **Chủ đề: bản thân**  - Mời bạn ăn (Nhạc và lời: Trần Ngọc)  - Khuôn mặt cười (Nhạc Hàn Quốc)  - Thật đáng yêu (Nghiêm Bá Hồng  - Cái mũi (Lê Đức Thu Hiền)  - Đố bạn biết tên tôi (Lê Đức Thu Hiền)  - Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng)  - Đường và chân (Nhạc: Hoàng Long; Lời: Xuân Tửu)  - Gà gáy dậy bạn ơi ( Văn Dung)  -Bé quét nhà ( Hà Đức Hậu)  - Vì sao mèo rửa mặt ( Hoàng Long)  **Chủ đề: Gia đình**  - Ngôi nhà mới (Nhạc và lời: Mộng lân)  - Bà còng đi chợ (Nhạc: Phạm Tuyên; Lời ca dao cổ  - Tôi là cái ấm trà  - Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn)  - Bố là tất cả (Nhạc và lời: Thập nhất)  - Múa cho mẹ xem, Sau mưa (Xuân Dao)  - Nhà của tôi (Thu Hiền)  - Bàn tay mẹ (Nhạc: Bùi Đình Thảo, lời thơ: Tạ Hữu Yến)  - Em là bông hồng nhỏ ( Trịnh Công Sơn)  - Cả nhà thương nhau ( Phan Văn Minh)  **Chủ đề: Nghề nghiệp**  - Cháu yêu cô thợ dệt (Nhạc và lời: Thu Hiền)  - Ngày mùa vui ,Thật đáng chê ( Việt Anh)  - Cô giáo miềm xuôi (Mộng lân)  - Cô và mẹ (Phạm Tuyên)  - Bác đưa thư vui tính (Hoàng Vân)  - Cháu yêu cô chú công nhân ( Hoàng Văn Yến)  - Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu)  - Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân)  **Chủ đề: Thế giới thực vật, tết- mùa xuâ. Ngày vui 8/3**  - Em yêu cây xanh (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)- Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân)  - Mùa xuân ( Hoàng Văn Yến))  - Mùa xuân đến rồi ( Phạm Thị Sửu)  - Bắp cải xanh (Phạm Hổ)  - Lá xanh (Thái Cơ) - Quả (TG: Xanh Xanh)  - Em thêm 1 tuổi ( Trương Quang Lục)  - Hoa kết trái (Nhạc: Phạm Thị Sửu – Lời thơ: Hoàng Thị Lộc)  - Màu hoa (Hồng Đăng)  - Hoa trường em ( Dương Huy Bang)  - Bông hoa mừng cô (Nhạc và lời: Trần Thị Duyên  - Ngày vui 8/3 (Cô giáo Hoàng Yến)  - Quà 8/3 ( Hoàng Long)  **Chủ đề: Thế giới động vật**  - Chú voi con ở Bản Đôn (Nhạc & lời: Phạm tuyên)  - Cá vàng bơi (Nguyễn Hải Hà)  - Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn)  - Đàn Gà trong sân (Bài hát thiếu nhi dân gian Pháp)  - Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền)  - Chim chích bông (Nhạc: Văn Dung; Lời: theo thơ: Nguyễn Viết Bình)  - Bài hát của chuồn chuồn (Hoàng Lương)  - Thương con mèo (Mộng Lân)  - Voi làm xiếc ( Phan Hiền)  **Chủ đề: Giao thông**  - Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân)  - Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính; Lời: Tường Vân)  - Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng văn Yến)  - Em đi chơi thuyền (Trần Khiết Tường)  - Phao bơi (Nguyễn Trọng Tạo)  - Đèn đỏ đèn xanh (Nhạc Lương Vĩnh; Lời: dựa ý thơ Thế Hội)  - Em tập lái ô tô ( Nguyễn Văn Tý)  - Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến)  **Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên**  - Cho tôi đi làm mưa với (Nhạc và lời: Hoàng Hà)  - Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung)  - Ánh trăng hoà bình (Hồ Bắc)  - Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích)  - Bé và trăng (Bùi Anh Tôn)  - Mây và gió (( Minh Quân)  **Chủ đề: Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường Tiểu học**  - Em yêu thủ đô ( Yêu hà Nội) (Bảo trọng)  - Nhớ ơn Bác( Phan Huỳnh Điểu)  - Nhớ giọng hát Bác Hồ( Thanh Phúc, thơ: Tạ Hữu Yên)  - Cháu vẫn nhớ trường Mầm non( HoàngLân)  - Tạm biệt búp bê ( Hoàng Thông)  - Tre ngà bên lăng Bác  - Múa với bạn Tây nguyên( Phạm Tuyên)  - Quê hương tươi đẹp.  - Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ ( Xuân Giao) |
| 102. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. | - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.  + Trang trí rèm cửa lớp học.  + Làm búp bê bằng rơm.  + Trang trí khăn quàng cổ.  + Làm đồng hồ đeo tay...  + Làm thiệp chúc mừng cô giáo.  + Làm quà tặng cô giáo.  + Làm tranh gia đình của bé.  + Làm cà vạt tặng bố...  + Gấp quạt giấy.  + Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội...  + Làm con vật từ các nguyên vật liệu.  + Làm con gà.  + Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3.  + Gấp hoa sen  + Tạo hoa bằng dấu vân tay.  + Gấp và dán máy bay.  + Làm ô tô.  + Gấp thuyền...  + Làm mưa ngũ sắc.  + Làm phao bơi.  - Chong chóng từ lá dừa  + Trang trí khung ảnh Bác Hồ;Làm quà tặng co giáo từ các nguyên vật liệu thiên nhiên... |
| 103. Phối hợp các kĩ năng vẽ, và tô màu tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. | Phối hợp các kĩ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.  + Vẽ tô màu cô giáo;  + Vẽ tô màu đồ chơi trong trường MN;  + Vẽ tô màu chân dung bé  **+**Vẽ chân dung người thân trong gia đình  + Vẽ cái nồi;  + Vẽ trang trí cái cốc  + Vẽ đồ dùng, dụng cụ nghề nông  + Vẽ theo ý thích  + Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo  + Vẽ con gà trống  + Vẽ theo ý thích  + Vẽ Vườn hoa.  + Vẽ cây bằng dấu vân tay.  + Vẽ tranh theo chủ đề...  + Gấp và dán máy bay.  + Làm ô tô.  + Gấp thuyền...  + Vẽ tàu thuyền trên biển;  + Vẽ cảnh trời mưa  + Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích;  + Vẽ cảnh biển;  + Vẽ cầu vồng  + Vẽ tô màu trường tiểu học;  + Vẽ đồ dùng học tập  + Vẽ cảnh quê hương em  + Vẽ vườn hoa lăng Bác. |
| 104 Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.. | Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.  + Cắt dán đồ chơi trong sân trường MN  + Cắt dán áo bạn trai, bạn gái  + Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học  + Cắt dán tủ quần áo  + Cắt dán hình ảnh một số nghề;  + Xé dán cành đào ngày tết  + Xé dán cây ăn quả;  + Cắt dán động vật sống trong rừng;  + Xé dán đàn cá  + Cắt dán ô tô  + Xé dán cột đèn hiệu giao thông  + Xé dán mây  + Cắt dán đồ dùng học tập;  + Xé dán bức tranh phong cảnh + Làm găng tay |
| 105**.** Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.. | Phối hợp các kĩ năng , nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.  + Nặn quà tặng bạn  + Nặn búp bê mặc váy  + Nặn quà tặng bà, tặng mẹ..  + Nặn cái bát.  + Nặn cái ấm...  + Nặn cái lọ, cái bát..  + Nặn thú rừng...  + Nặn cây cải, củ cà rốt, su hào......  + Nặn ô tô.  + Nặn thuyền...  + Nặn cái ô.  + Nặn cái phao bơi...  + Nặn cái cặp. .. |
| 106. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. |
| 107.Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. | * Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. |
| 108. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | * Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu |
| 109. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | -Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. |
| 110. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | * Đặt tên cho sản phẩm của mình. |